

HỒNG VŨ CẨM THƯ

Dạy về thuật phong thủy có phụ họa đồ

Quyển hạ

Lập minh để truyền thụ cho học trò gồm có bốn mục:

- 1). Truyền thụ luận
- 2). Định minh thế
- 3). Nghi thức lập minh
- 4). Tựa truyền phái

*Truyền phái tiết lậu thiên cơ
Kiền là tượng trưng chức ngự sử
Cấn là tượng trưng chức trạng nguyên
Khôn là tượng trưng chức tể tướng.
Tốn là tượng trưng chức an phủ.
Thân là tượng trưng chức thái thú.
Hợi là tượng trưng chức quan huyện
Dần là tượng trưng người thứ dân
Tỵ là tượng trưng chức vị tướng quân
Nói về thế bát sơn có năm thế:*

- 1). Thế phát khô giáp
- 2). Thế phát văn chương
- 3). Thế phát thư sinh
- 4). Thế phát áp mục
- 5). Thế phát thái họa (hội họa)

Truyền phái tiết lậu cơ trời.

Ông Dương Quân Tùng tên chữ là Trương Mậu, tên hiệu là Cửu Bàn. Ông Tăng Văn Địch tên hiệu là *Chân Tiên Nhân*; khi Tăng Công còn nhỏ, có biệt danh là Liên Vũ, tu ở núi Kim Tinh đồn hết tinh hoa phát huy huyền bí tiết lậu cơ trời tức là bộ Địa lý (thuật Phong thủy) chính tông này, do ông Dương Quân Tùng phát minh truyền đến ông Tăng Văn Địch tên hiệu là *Liên Vũ*. Chính những người theo học phải hiểu thế đất thế nào? Phải biết nhận ra những hình thế miệng truyền mắt thấy, thế kia thế khác v.v... nên có câu rằng:

Phiên âm

Đề viết

Lương điền cánh tác tử tôn lụy,
Châu ngọc chung vi thê tử tai,
Nhất quyển kinh truyền hiển tiểu già
Thủ chi bất kiệt dụng vô thai

Giải nghĩa

Ruộng nương chỉ để con mang lụy,
Châu ngọc hay gì vợ mắc tai.
Một quyển kinh này khôn giữ được,
Lấy dùng không hết cứ còn hoài.

Lại có câu kinh rằng:

Phiên âm
Kinh vân

Cộng âm cộng hưởng cộng lai long,
Bách tính cư chi tổng nhất đồng,
Tiền diện nhất ban thị tham lang,
Nhất gia phú quý nhất gia cùng.

Giải nghĩa

Cũng âm cũng hưởng cũng rồng châu,
Trăm họ cùng nhau ở đã lâu,
Trước mặt tham lang ngay ở đó.
Người giàu kẻ khó bởi vì đâu?

Thần kinh dị pháp

Nghĩa là những phép mầu nhiệm của thần kinh,
Đây hãy xét là kinh có hai mươi bốn vị.
Tý là chính vị Bắc phương mà Nhâm Quý là phụ đó.
Ngọ là chính vị Nam phương mà Bính Đinh là phụ đó.
Mão là chính vị Đông phương mà Giáp Ất là phụ đó.
Dậu là chính vị Tây phương mà Canh Tân là phụ đó.
Tý Ngọ Mão Dậu vua Văn Vương cho là hậu thiên.
Khảm Ly Chấn Đoài là bốn phương là địa vị rất chính của nó vậy.
Kiền khôn cần tốn là bốn góc cạnh (tứ duy).
Đứng đầu tóm hết lại để dùng tám can với mười hai chi.
Tức là phương đông thì Dần Giáp Ất Mão Thìn nhưng mà Mão thì là ở chính trung.
Nam phương thì Tỵ Ngọ Bính Đinh Mùi nhưng mà Ngọ thì là ở chính trung.
Tây phương thì Thân Canh Dậu Tân Tuất nhưng mà Dậu thì là ở chính trung.
Bắc phương thì Hợi Nhâm Tý Quý Sửu nhưng mà Tý thì là ở chính trung.
Như thế đó thì thật là cái lẽ rất trung rất chính vậy. Trời đất là cái ngôi chi cực muôn đời chẳng dễ mà có thể thay đổi được.
Về sau người ta mới nghĩ mà đã chế ra cái kim nam châm nổi để mà xem và so sánh với ánh mặt trời.
Ở phía nam thì trông lên sao Bắc đẩu.
Ở phía bắc cực thì xem sao Xu tinh.
Người ta dùng cái tính tự nhiên của kim ấy để đem so sánh thì nó thiên về hướng phương bính. Bởi vì chẳng phải vì nam bắc mà nó thiên đầu, thực cũng chẳng qua là vì cái kim nổi đó nó sợ chính hỏa mà ra như thế vậy.
Cho nên người ta mới lắp cái kim nam châm ấy vào trong la bàn dùng để làm phương châm để mà xem sự chuẩn đích cũng như các phương hướng chính, địa vị chính của trời đất vậy, như thế thì những khả năng của cái kim ấy cũng có thể làm cho người ta biết được chỗ nào là địa vị nào, phương hướng nào của trời đất vậy.

Luật huyệt pháp

Quyển thứ hai mươi sáu

Theo phép xem hướng để mà nhận định ra long huyệt. Hai mươi bốn thứ long huyệt, mỗi thứ huyệt tốt và địa vị của nó.

Nhâm long thì có ba thứ huyệt:

1. Cấn sơn hướng Khôn.
 2. Tý sơn hướng Ngọ.
- Sửu long thì có một huyệt:
Nhâm sơn hướng bính.
- Cấn long thì có tám thứ huyệt:
1. Quý sơn hướng Đinh.
 2. Nhâm sơn hướng Bính
 3. Giáp sơn hướng Canh
 4. Ất sơn hướng Tân.
 5. Mão sơn hướng Dậu
 6. Kiền sơn hướng Tốn
 7. Hợi sơn hướng Tỵ.
 8. Sửu sơn hướng Mùi.
- Dần long có hai thứ huyệt.
1. Cấn sơn hướng Khôn
 2. Dần sơn hướng Thân
- Giáp long có hai thứ huyệt:
1. Cấn sơn hướng Khôn.
 2. Tốn sơn hướng Kiền.
- Mão long có bốn thứ huyệt:
1. Giáp sơn hướng Canh
 2. Ất sơn hướng Tân.
 3. Quý sơn hướng Đinh
 4. Tỵ sơn hướng Hợi
- Ất long có một huyệt.
Cấn sơn hướng Khôn
- Thìn long có hai thứ huyệt:
1. Tốn sơn hướng Kiền.
 2. Cấn sơn hướng Khôn
- Tốn long có ba thứ huyệt
1. Ất sơn hướng Tân
 2. Tỵ sơn hướng Hợi
 3. Khôn sơn hướng Cấn
- Tỵ long có một huyệt:
Tỵ sơn hướng Hợi
- Bính long có bốn thứ huyệt
1. Tỵ sơn hướng Hợi
 2. Giáp sơn hướng Canh
 3. Ất sơn hướng Tân
 4. Khôn sơn hướng Cấn
- Ngọ long có hai thứ huyệt:
1. Bính sơn hướng Nhâm
 2. Đinh sơn hướng Quý
- Đinh long có hai thứ huyệt:
1. Khôn sơn hướng Cấn
 2. Tỵ sơn hướng Hợi
- Mùi long có một thứ huyệt:
Khôn sơn hướng Cấn
- Khôn long có một thứ huyệt:
Đinh sơn hướng Quý
- Thân long có hai thứ huyệt:
1. Đinh sơn hướng quý

2. Canh sơn hướng Giáp

Canh long có hai thứ huyết:

1. Dậu sơn hướng Mão
2. Khôn sơn hướng Cấn.

Dậu long có ba thứ huyết:

1. Khôn sơn hướng Cấn
2. Kiền sơn hướng Tốn
3. Hối sơn hướng Tỵ.

Tân long có ba thứ huyết:

1. Kiền sơn hướng Tốn
2. Dậu sơn hướng Mão
3. Khôn sơn hướng Cấn

Tuất long có một thứ huyết:

Tân sơn hướng Ất

Kiền long có một thứ huyết:

Tân sơn hướng Ất

Hối long có ba thứ huyết:

1. Nhâm sơn hướng Bính
2. Kiền sơn hướng Tốn
3. Quý sơn hướng Đinh.

Nhâm long huyết ấy có ba thứ hướng, hướng thứ nhất là tọa tý hướng ngọ.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Tý hướng Ngọ, nên đun nhích sang bên tả, gia thêm Hối phương nửa phần, để lấy phương Bính Tý mà Nhâm là chính trung. Đến chỗ khi đến ấy để đi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

*Khi theo tai hữu ngấm dần,
Mười can trái chín một phần thiên nhâm,
Nhích sang tả hội phúc âm,
Long mạch tinh thần phú quý vinh hoa.*

Phân kim

Kiên Nhâm Bính nên dùng Canh Ngọ Canh Tý (thuộc Thổ).

Kiên Quý Đinh nên dùng Bính Ngọ Tý (thuộc Thủy).

Hướng thứ hai tọa Cấn hướng Khôn.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Cấn hướng Khôn, nên đun nhích sang bên tả gia, Hối phương nửa phần để lấy mạch đi suốt sang lưng bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa cấn hướng khôn.

Phiên âm

Nhâm long điều điều (siêu) huyết thiên nhị (cấn)

Thiên phụ (nhâm) khí bên khấu hữu du

Huyết vị xâm tả bán phần hội.

Phú quý thanh danh hưởng lư lý

Giải nghĩa

Nhâm long thiên thị xa sao

Cấn nhâm thiên phụ khí vào hữu du

Nửa phần bên tả hội bù

Giàu sang danh giá đi du dân làng

Phân kim

Kiên Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ) kiên Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc Hỏa).

Hướng thứ ba là tọa tân hướng Ất.

Nhâm long vào đầu ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa tân hướng Ất, nên đun nhích sang bên hữu gia sang Tý phương nửa phần để lấy nhân mạch khí suốt sang lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ tam tọa tân hướng Ất

Phiên âm

Thiên nhâm phụ huyết hướng thiên tinh,
Khí tòng tả du thông huyền linh,
Huyết nghị ai hữu gia dương quang (Tý)
Chủ khách phú nhân tắc anh minh.

Giải nghĩa

*Thiên nhâm phụ huyết thiên tinh
Khí theo bên tả mạch sinh diệu huyền.
Huyết đun bên hữu quy quyền.
Anh minh chủ khách giàu tiền người hay.*

Phân kim

Kiên Mão Dậu nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc).

Kiến Thìn Tuất thì nên dùng Bính Thìn Bính Tuất (thuộc thổ).

Tý long huyết ấy có một hướng.

Hướng thứ nhất là tọa cần hướng khôn.

Tý long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa cần hướng khôn nên đun sang bên hữu gia một chút nhâm phương một phần để khiến chính cái khí phương Tý suốt sang tại bên hữu.

Thơ thôi quan của họ lại nói rằng:

Tý long nhất hướng

Đệ nhất tọa cần hướng Khôn

Phiên âm

Dương (Tý) quang huyết tại thiên (cần) thị viên
Khí tòng hữu nhĩ nãi vi huyền
Huyết nghị ai tả gia thiên (nhâm) phụ,
Dựng sinh tử (lục súc) chỉ đa điền viên.

Giải nghĩa

*Dương quang huyết ở cần viên,
Khí chung bên hữu diệu huyền tự nhiên.
Huyết đun bên tả nhâm thiên,
Dưỡng sinh nảy nở điền viên của nhiều*

Phân kim

Kiên Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ)

Kiên Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa)

Quý long huyết ất có hai hướng:

Hướng thứ nhất là tọa cần hướng khôn

Quý long nhập thủ ở chỗ bên tả, huyết ất thì là tọa cần hướng khôn, nên đùn nhích sang bên hữu gia lý phương nửa phần để lấy mạch đi suốt sang Đỉnh Sửu đến chính quý phương mạch suốt sang tại bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Quý long nhị hướng
Đệ nhất tọa cần hướng khôn

Phiên âm

Thôi quan thi vân:

Thôi quan tam thập hướng huyền (khôn) qua,
Nghĩ ai âm quang (tuần mỹ) hữu nhĩ qua,
Ai tả vi gia bán phân tý,
Phú quý cách kiến phong lưu đa.

Giải nghĩa

*Ba mươi khôn hướng thôi quan,
Âm quang bên hữu hân hoan qua rồi,
Nửa phần tý tả biên thôi,
Phong lưu phú quý đất trời giúp cho.*

Phân kim

Kiểm Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).

Kiểm Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa Tý hướng Ngọ.

Quý long nhập thủ ở chỗ bên tả, huyết ất thì là tọa Tý hướng Ngọ, nên đùn nhích sang bên hữu hơi gia một chút Sửu phương để lấy chính khí Đỉnh Sửu suốt vào lai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Tý hướng Ngọ

Phiên âm

Am (quí) quang huyết khảm hướng viêm tinh,
Tả nhĩ thừa khí bất vi khinh,
Huyết nghĩ ai hữu vi gia sửu,
Xuất nhân anh tuấn tư tài thịnh.

Giải nghĩa

*Quý âm huyết khảm hướng viêm tinh,
Bên tả nhâm khí khí chẳng khinh
Bên hữu đùn sang thêm ít sửu
Nhân tài phú quý tuấn anh sinh.*

Phân kim

Kiểm Nhâm Bính nên dùng Canh Tý Canh Ngọ (thuộc thổ)

Kiểm Quý Đinh nên dùng Bính Tý Bính Ngọ (thuộc hỏa).

Sửu long huyết ất có một hướng. Hướng thứ nhất là tọa Nhâm hướng Bính, Sửu long nhập thủ ở chỗ bên tả huyết ất thì là tọa nhâm hướng Bính nên đùn nhích

sang bên hữu hơi gia cần phương một chút để lấy chính khí Tân Sửu mà mạch chính đi suốt sang tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Sửu long nhất hướng
Đệ nhất tọa nhâm hướng Bính.

Phiên âm

Ngọ (Sửu) kim tẩu hướng thái vi (Bính) viên,
Khí bên tả nhĩ long mạch tuyền.
Dương (cần) xư nghi gia huyết niêm hữu,
Thủy kiến cục tọa đa điền viên.

Giải nghĩa

*Ngọ kim sửu hướng thái vi viên,
Khí chạy đưa sang long mạch tuyền.
Dương cần huyết cần liên hữu vậy.
Kiến phương thủy ứng ruộng nhiều tiền.*

Phân kim

Kiên Tý Hợi nên dùng Tân Tý Tân Hợi (thuộc Kim)
Kiến Tý Ngọ nên dùng Bính Tý Bính Ngọ (thuộc Thủy)
Cần long huyết ấy có tám hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa quý hướng Đinh.
Cần long nhập thủ ở chỗ bên tả huyết Ất thì là tọa quý hướng đinh, nên đun sang bạch hổ gia thêm một phân Dần phương để khiến Mậu Dần phương chính khí hợp cần long chạy suốt sang tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Cần long huyết bái hướng
Đệ nhất tọa quý hướng Đinh

Phiên âm

Thôi quan đệ nhất huyết nghi quý,
Thiên (cần) thị chính khí tại tả nhĩ (mão),
Huyết niêm tây thú vi gia dần,
Họa cấm vinh hoa huy lư lý.

Giải nghĩa

Đệ nhất thôi quan huyết quý phương,
Tả biên thiên cần khí dương cường
Huyết niêm tây thú gia dần ít,
Áo gấm vinh hoa rộn rực làng.

Phân kim

Kiên Tý Ngọ nên dùng Canh Tý Canh Ngọ (tuổi hổ),
Kiên Sửu Mùi nên dùng Đinh Sửu Đinh Mùi (thuộc thủy).
Hướng thứ hai là hướng tọa Nhâm hướng Bính.
Cần long nhập thủ ở chỗ bên ngang bên tả lại mà ra bên hữu huyết ấy thì là tọa nhâm hướng Bính, nên đun sang bên hữu lấy khí Nhâm Dần chính khí cần phương suốt sang lưng bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa nhâm hướng bính.

Phiên âm

Thiên (cấn) thị lai long thái vị xung,
Yêu du quan chức vượng âm dương,
Tương kiến phúc lai trinh nhị hướng,
Cấn bính phối hợp tương tùy xương.

Giải nghĩa

*Lai long thiên thị thái vị,
Âm dương hưng vượng mạch thì ở lưng
Điều lành phát phúc tương bưng.
Tại hai hướng Bính Cấn cùng hợp nên*

Phân kim

Kiên Ty Hợi, nên dùng Tân Ty Tân Hợi (thuộc Kim)
Kiêm Tý, Ngọ nên dùng Bính Tý Bính Ngọ (thuộc thủy).
Hướng thứ ba là hướng tọa giáp hướng canh.

Cấn long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa giáp hướng Canh, nên đùn nhích sang bên thanh long gia một phân sừ để lấy Bính Dần chính khí suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Đệ tam tọa giáp hướng Canh.

Phiên âm

Thiên (cấn) thị điều điều (siêu) nhập âm (giáp) cơ
Khí xung hữu nhĩ vô uy di.
Thiên (sửu) trù vi gia huyết niêm tả,
Phú quý vân vũ phẩm ban tùy.

Giải nghĩa

*Thiên cấn xa xôi đến giáp âm,
Khí xung bên hữu lượn đi ngầm
Thiên trù đùn ít liêm bên tả,
Phú quý vinh hoa vũ lại văn,*

Phân kim

Kiên Dần Thân nên dùng Canh Dần Canh Thân (thuộc thủy)
Kiêm Mão Dậu nên dùng Đinh Mão Đinh Dậu (thuộc hỏa).
Hướng thứ tư là hướng tọa ất hướng tân.

Cấn long nhập thủ ở chỗ ngang bên hữu lại, ra bên tả huyết ấy thì là tọa ất hướng tân nên đùn nhích sang bên tả gia một chút Sửu phương để lấy Mậu Dần chính khí suốt vào lưng bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ tứ tọa Ất hướng Tân
Dương (cấn) xu huyết thiên (quan) tinh.
Hữu yêu thừa khí thị đa vinh.

Giải nghĩa

*Dương xa huyết ở thiên quan,
Khí sang bên hữu lưng mang chỉ vì
Nhích sang bên tả tỳ tì,
Để cho khí tự được thì vinh quang*

Phân kim

Kiểm Mão Dậu nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc).
Kiểm Thìn Tuất nên dùng Bính Thìn Bính Tuất (thuộc thổ).
Hương thứ năm là hướng tọa Mão hướng Dậu.

Cần long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Mão hướng Dậu, nên đun nhích sang bên thanh long gia một phân Sửu phương để lấy Bính Dần chính khí suốt sang tại bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ ngũ tọa mão hướng dậu

Phiên âm

Dương (cần) khu vi long tự tây đoài
Hữu nhĩ thừa khí ượng vi tổi
Huyết nghi ai tả gia (sửu) trù tinh,
Phiệt duyệt vinh hoa thể vô ngại

Giải nghĩa

Dương xa long mạch tự Tây đoài
Bên hữu giao nhau khí cũng tài
Bên tả nhích sang gia trù sửu
Vinh hoa phiệt duyệt mãi lâu dài.

Phân kim

Kiểm Giáp Canh, nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc).
Kiểm Ất Tân nên dùng Đinh Mão Đinh Dậu (thuộc hỏa),
Hương thứ sáu là hướng tọa kiền hướng tốn.

Cần long nhập thủ ở chỗ ngang vào bên trái, ra bên phải huyết ấy thì là tọa kiền hướng tốn, nên đun nhích sang bên hữu để lấy Mậu Dần chính khí cần phương chạy suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ lục tọa kiền hướng tốn

Phiên âm

Thiên (cần) thị hành long hướng dương (tốn) tuyền.
Khí xung tả du thông vi huyền.
Ốc nhuận gia phì tích ngọc kim
Đản khủng thiên chiết hữu khuy thiên.

Giải nghĩa

*Thiên cần hành long hướng tốn thư,
Khí xung bên tả diệu huyền như.
Phong quang nhà cửa dư tiền của
Biết sợ trời thương khéo kẻ dư*

Phân kim

Kiên Thìn Tuất bên dùng Canh Thìn Canh Tuất (thuộc Kim)
Kiêm Ty Hợi nên dùng Đinh Ty Đinh Hợi (thuộc thổ).
Hướng thứ bảy là hướng tọa Hợi hướng Ty.
Cần long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa Hợi hướng Ty, nên đụn sang bên hữu để lấy cần phương chính khí suốt sang lưng bên tả huyệt đây phát phú quý.

Phân kim

Kiến tiền tốn nên dùng Tân Hợi Tân Ty thuộc kim.
Kiêm Nhâm Bính nên dùng Đinh Hợi Đinh Ty (thuộc thổ).
Hướng thứ tám là hướng tọa Sửu hướng Mùi.
Cần long nhập thủ ở chỗ ngang vào bên trái, ra bên phải huyệt ấy thì là tọa tiền hướng tốn, nên đụn nhích sang bên hữu để lấy Mậu Dần chính khí cần phương chạy suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ lục tọa tiền hướng tốn

Phiên âm

Thiên (cần) thị hành long hướng dương (tốn) tuyền.
Khí xung tả du thông vi huyền.
Ốc nhuận gia phỉ tích ngọc kim
Đản khủng thiên chiết hựu khuy thiên.

Giải nghĩa

Thiên cần hành long hướng tốn thư,
Khí xung bên tả diệu huyền như,
Phong quang nhà cửa dư tiền của.
Biết sợ trời thương khéo kẻ dư.

Phân kim

Kiên Thìn Tuất bên dùng Canh Thìn Canh Tuất (thuộc kim).
Kiêm Ty Hợi nên dùng Đinh Ty Đinh Hợi (thuộc thổ).
Hướng thứ bảy là hướng tọa Hợi hướng Ty.
Cần long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa Hợi hướng Ty, nên đụn sang bên hữu để lấy cần phương chính khí suốt sang lưng bên tả huyệt đây phát phú quý.

Phân kim

Kiến tiền tốn nên dùng Tân Hợi Tân Ty thuộc kim
Kiêm nhâm Bính nên dùng Đinh Hợi Đinh Ty (thuộc thổ).
Hướng thứ tám là hướng tọa Sửu hướng Mùi.
Cần long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa Sửu hướng Mùi nên du về bên hữu gia một phân dần phương để lấy Mậu Dần chính khí của Cần phương suốt sang tại bên hữu.

Phân kim

Kiểm Quý Đinh nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).
Kiêm Cần Khôn nên dùng Đinh Sửu Đinh Mùi (thuộc thủy).
Dần long huyệt ấy có hai hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Cần hướng Khôn.
Dần long nhập thủ ở chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa cần hướng khôn nên đụn sang bên hữu hơi gia giáp phương một chút để lấy Nhâm Dần chính khí suốt sang tại bên tả.

Mấy hướng này đều thiếu bài thơ thôi quan trong bản chính.

Phân kim

Kiểm Sửu Mùi, nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc Thổ).

Kiểm Dần Thân, nên dùng Bính Dần, Bính Thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa Dần hướng Thân.

Dần long nhập thủ mạch lại thẳng khí chịu thẳng, làm nên Dần Thân phương hướng huyết nên đun sang bên hữu gia Giáp Dần chính khí cốt yếu làm sao để cho long thần đặc biệt nhảy nhót huyết tinh rất khéo, đất nước tốt đẹp thời chẳng gì là chẳng tốt.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Dần long nhị hướng
Đệ nhất tọa cần hướng khôn
Đệ nhị tọa Dần hướng Thân.

Phiên âm

Công tảo (Dần) chính hướng thiên khai tinh,

Long mạch đỉnh dị huyết kham thân.

Sa thủy bất bị tối hung ác,

Quả mẫu quái tật đa sinh sân.

Giải nghĩa

Công tảo chính hướng đức trời nhân,

Long mạch nơi đâu lạ khó gần

Đất nước đủ trạch sao dữ vậy

Ôm đau góa bụa thảm thương thân.

Phân kim

Kiểm Cấn Khôn, nên dùng Canh Dần Canh Thân (thuộc mộc),

Kiểm Giáp Canh, nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).

Giáp long huyết ấy có hai hướng:

Hướng thứ nhất là hướng tọa Cấn hướng Khôn?

Giáp long nhập thủ ở bên tả huyết ấy thì là tọa cần hướng khôn nên đun sang bên hữu hơn gia dần một chút để lấy Kỷ Mão chính khí giáp phương mạch suốt sang tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Giáp long nhị hướng
Đệ nhất tọa cần hướng Khôn

Phiên âm

Âm (giáp) cơ khởi phục long hướng xung

Tả nhĩ thừa khí phúc vô cùng,

Huyết nghi niêm, hữu vi gia dần

Long kỳ cục tỏa phương kham dụng.

Giải nghĩa

Âm cơ thẳng giáng hướng long xung,

Bên tả nhân khi phúc lạ lùng,

Liên hữu huyết nên dần ít chút,

Long phương kỳ cục hóa nên dùng.

Phân kim

Kiên Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).

Kiên Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa tốn hướng kiền giáp long nhập thủ ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa tốn hướng kiền, nên đun sang bên hữu để lấy Tỵ Mão chính khí suốt sang ta bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa tốn hướng kiền.

Phiên âm

Âm (giáp) cơ huyết tốn hướng cơ phong

Khí tòng hữu yêu thất hưng long.

Tả hữu bất giao long thất độ

Quan quả phong ba (bi) động ổn phong.

Giải nghĩa

Âm cơ huyết tốn non cao,
Bên hữu theo lưng khí ứng vào
Tả hữu không giao long mất độ
Phong lao góa bụa bệnh xôn xao.

Phân kim

Kiên Thìn Tuất nên dùng Canh Thìn Canh Tuất (thuộc kim)

Kiên Tỵ Hợi nên dùng Đinh Tỵ Đinh Hợi (thuộc thổ).

Mão long huyết ấy có ba hướng:

Hướng thứ nhất là hướng tọa giáp hướng canh.

Mão long nhập thủ ở chỗ bên tả huyết ấy là tọa giáp hướng canh nên đun sang bạch hổ hơi gia ất phương một chút để lấy chính khí suốt sang bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Mão long tam hướng
Đệ nhất tọa giáp hướng Canh.

Phiên âm

Thôi quan đệ ngũ huyết tọa giáp

Dương (mão) hành khí tòng tả nhĩ phát

Huyết ai tây thú gia thiên quan

Trì tiết biên cương chương sinh sát.

Giải nghĩa

Thôi quan giáp huyết thứ năm
Dương hành bên tả mấy năm phát liên
Huyết đun tây thù quan thiên
Biên cương trì tiết giữ niềm sát sinh

Phân kim

Kiên Dần Thân nên dùng Canh Dần Canh Thân (thuộc mộc).

Kiên Mão Dậu nên dùng Đinh Mão Đinh Dậu (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa Ất hướng Tân.

Mão long nhập thủ ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa giáp hướng Canh, nên đun sang bạch hổ hơi gia ất phương để lấy Quý Mão chính khí suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Ất hướng Tân

Phiên âm

Hà (Mão) hướng đông lai huyết thiên quan
Khí quán hữu nhĩ thì linh an
Vi gia giáp vị huyết niêm tả
Tiên văn hậu vô vinh quan quyền.

Giải nghĩa

*Hà hướng đông đến huyết quan thiên
Khí quán hữu biên thể xác yên
Liên tả hơi gia thân pháp vị
Trước văn sau vô cũng oai quyền.*

Phân kim

Kiến Mão Dậu, nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc).
Kiến Thìn Tuất nên dùng Bính Thìn Bính Tuất (thuộc thổ).
Hướng thứ ba là hướng tọa Quý hướng Đinh.
Mão long nhập thủ ở chỗ ngang vào bên trái ra bên phải huyết ấy thì là tọa quý hướng Đinh nên đun bên hữu để lấy Quý Mão chính khí suốt vào lưng bên tả, huyết này thơ thôi quan chưa chép.

Phân kim

Kiến Tý Ngọ nên dùng Canh Tý Canh Ngọ (thuộc thổ).
Kiến Sửu Mùi nên dùng Đinh Sửu Đinh Mùi (thuộc thủy)
Ất long huyết ấy có một hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Cấn hướng Khôn.
Ất long nhập thủ ở chỗ ngang, vào bên trái ra bên phải huyết ấy thì là tọa cấn hướng khôn nên dính sát sang bên hữu để lấy chính khí Canh Thìn Ất mạch suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Ất long nhất hướng.
Đệ nhất tọa cấn hướng khôn

Phiên âm

Thiên (ất) quan khôn hướng huyết thiên (cấn) thị.
Khí bên tả du nãi vi lợi.
Huyết cang kim thìn gia niêm tả,
Diệc chủ phú quý nhân chiêu chiêu.

Giải nghĩa

*Ất thiên khôn hướng cấn phương.
Khí bên tả mạch thường lợi thay
Cang kim niêm tả huyết này.
Giàu sang vinh hiển người hay rập rìu.*

Phân kim

Kiến Sửu Mùi, nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).

Kiến Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).

Thìn long huyết ấy có hai hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa tốn hướng kiền.

Thìn long nhập thủ ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa tốn hướng kiền, nên độn nhích sang bên tả gia một chút ất phương để lấy chính khí Giáp Thìn chạy suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Thìn long nhị hướng
Đệ nhất tọa tốn hướng kiền.

Phiên âm

Cang kim (thìn) huyết tốn hướng dương (kiền) cơ
Khí tông hữu nhĩ hợp vi quý
Thiên (ất) quan vi gia huyết niêm tả
Cự phú đấn khùng vô kỳ di.

Giải nghĩa

*Cang kim huyết tốn hướng kiền,
Khi theo tay hữu hợp liền qui mô
Gia niêm bên tả khí vô,
Giàu to lại sợ không cho thọ trường*

Phân kim

Kiền Thìn Tuất, nên dùng Canh Thìn Canh Tuất (thuộc Kim).

Kiến Tỵ Hợi nên dùng Đinh Tỵ Đinh Hợi (thuộc thổ).

Hướng thứ hai là hướng tọa cần hướng khôn.

Thìn long nhập thủ ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa cần hướng khôn, nên độn nhích sang bên hữu hơi gia một chút ất phương để lấy chính khí Giáp Thìn và suốt lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa cần hướng khôn

Phiên âm

Cang kim (thìn) hành long hướng huyền (khôn) qua
Tả yêu thừa khí lực tỷ hòa
Thiên (ất) quan vi gia huyết ai tả.
Long yếu tinh tường cực khai tả.

Giải nghĩa

*Hành long khôn hướng kim cang,
Nhân lưng bên tả khí sang đều hòa
Đưa sang bên tả niêm mà,
Long sao rõ rệt mới là cực hay.*

Phân kim

Kiêm Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).

Kiêm Dần Thân nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).

Tốn long huyết ấy có ba hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa Ất hướng tốn

Tồn long vào đầu ở chỗ bên tả huyết ất thì là tọa ất hướng tân nên đun nhích sang bên bạch hổ gia một phần tỵ phương để lấy chính khí Tân Tỵ đi suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Tồn long tam hướng
Đệ nhất tọa ất hướng tân

Thiên âm

Thôi quan đệ tử huyết nghi ất.
Dương (tồn) tuyền tả khí xung nhĩ nhập.
Thiên quan (ất) tả huyết tọa thanh xà,
Cấm khuyết thần quan ban dạ trị.

Giải nghĩa

*Thôi quan thứ bốn huyết bàn,
Bên tả dương tuyền khí bốc sang
Ất huyết thiên quan thanh xà đỏ,
Ngày đêm cửa cấm giữ thần quan.*

Phân kim

Kiên Mão Dậu nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc)
Kiên Thìn Tuất nên dùng Bính Thìn Bính Tuất (thuộc thổ).
Hướng thứ hai là hướng tọa Tỵ hướng Hợi.
Tồn long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ất thì là tọa Tỵ hướng Hợi, nên đun nhích sang thanh long gia một phần Thìn phương, để lấy Tân Tỵ chính khí tồn phương đi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Tỵ, hướng Hợi.

Phiên âm

Thái ất (Tồn) hành long thiên (Tỵ) bính huyết.
Hữu nhĩ thừa khí chân kỳ tuyền
Cang (thìn) kim sát vị vật gia đa
Cự phủ sinh nhân diệc anh kiệt

Giải nghĩa

Thiên Tỵ hành long thái ất kinh,
Khí nhàn tại hữu rất thần tình,
Cang kim sát vị gia đưng quá,
Cự phú anh minh tuần tú sinh.

Phân kim

Kiên Kiên Tồn, nên dùng Tân Tỵ Tân Hợi (thuộc Kim).
Kiên Bính Nhâm, nên dùng Đinh Tỵ Đinh Hợi (thuộc hỏa).
Hướng thứ ba là hướng tọa Khôn hướng Cấn.
Tồn long đầu vào ở chỗ ngang vào bên phải ra bên trái, huyết ất thì là tọa khôn hướng cấn nên đun sang bên tả để lấy chính khí Tân Tỵ suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ tam tọa khôn hướng cấn.

Phiên âm

Thái ất (tổn) hành long hướng dương (cấn) xu
Tả yêu thừa khí vô sai phù.
Sa kỳ thủy áp long tinh dị.
Lễ thi phú quý đa kim châu.

Giải nghĩa

Thái ất hành long cấn hướng dương.
Mạch lưng tả khí tượng bình thường.
Nước nhường đất lạ long tinh quý
Thi lễ giàu sang ngọc có thường.

Phân kim

Kiên Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ).
Kiêm Dần Thân, nên dùng Bính Thân (thuộc hỏa).
Ty long huyết ấy có một hướng, hướng thứ nhất là hướng tọa Ty hướng Hợi.
Ty long đầu vào ở chỗ bên tả nên đun sang bên hữu, để lấy chính khí của tổn
bình vào huyết, huyết này tọa kỵ hướng Hợi cũng là huyết chủ phát phú quý.

Thơ quan của họ Lại nói rằng:

Ty long nhất hướng
Đệ nhất tọa ty hướng Hợi

Phiên âm

Xích xà đầu hướng thiên môn bắc
Trực lai trực hướng thần công liệt
Tổn bính thụ huyết tái vi lương
Phú quý vinh hoa nhân anh kiệt.

Giải nghĩa

*Cửa trời rắn đỏ châu về
Thần công chẳng tới tứ bề oai phong
Tổn cùng với Bính thành công
Vinh hoa phú quý người thông anh tài.*

Phân kim

Kiên tiền tổn nên dùng Tân Ty Tân Hợi (thuộc kim).
Kiêm Bính Nhâm nên dùng Đinh Ty Đinh Hợi (thuộc thổ).
Bính long huyết ấy có bốn phương.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Ty hướng Hợi.
Bính long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Ty hướng Hợi, nên Hợi đun
nhích sang bên hữu để lấy chính khí bính phương suốt vào tai bên tả.
Huyết này thơ Thôi quan chưa chép nên xét theo kết cấu cũng như trong Ty long
vậy.

Phân kim

Kiên tiền tổn nên dùng Tân Ty Tân Hợi (thuộc kim)
Kiêm Bính Nhâm nên dùng Đinh Ty Đinh Hợi (thuộc thổ)
Hướng thứ hai là hướng tọa Giáp hướng Canh.
Bính long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Giáp hướng Canh nên hơi
đun nhích sang bên hữu để lấy chính khí Bính phương suốt vào tai bên tả.

Huyệt này thơ Thôi quan cũng chưa chép.

Phân kim

Kiểm Dần Thân nên dùng Canh Dần Canh Thân (thuộc mộc).

Kiểm Mão Dậu nên dùng Đinh Mão Đinh Dậu (thuộc hỏa).

Hướng thứ ba là hướng tọa ất hướng Tân.

Bính long đầu vào ở chỗ bên hữu huyệt ấy thì là tọa Ất hướng tân nên hơi đùn sang bên hữu để lấy chính khí Bính phương suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Bính long tứ hướng
Đệ nhất tọa Tỵ hướng Hợi
Đệ tam tọa Ất hướng Tân.

Phiên âm

Thôi quan đệ bắt bính long ất
Khí xung tả yêu anh tái xuất
Thái (bính) vi chi long huyệt niêm Tỵ.
Tả khí quán nhĩ phủ nhi dĩ.

Giải nghĩa

*Bính long thứ tám ất thôi quan
Tả biên khí phát giới giang sẵn sàng
Thái vi long mạch niêm sang,
Khí qua bên tả giàu sang lâu dài.*

Phân kim

Kiểm Mão Dậu nên dùng Tân Mão Tân Dậu (thuộc mộc).

Kiểm Thìn Tuất nên dùng Bính Thìn Bính Tuất (thuộc thổ).

Hướng thứ tư là hướng tọa khôn hướng cần.

Bính long Dần vào chỗ bên tả huyệt ấy thì là tọa khôn hướng cần, nên hơi đùn nhích sang bên tả gia một chút tý phương để lấy chính khí bính phương suốt vào lưng bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Đệ tứ tọa khôn hướng Cần

Phiên âm

Thái (bính) vi hành long hướng dương (cần) xu
Hữu yêu thừa khí vô sai thù.
Huyệt nghi ai tả gia thanh (tý) xà,
Diệc chủ chi vượng gia tư phú.

Giải nghĩa

*Long thành dương cần thái vi xu
Bên hữu lưng theo khí tị mù,
Bên tả huyệt đan sang tỳ tị,
Phong lưu phú quý sướng lu bù*

Phân kim

Kiểm Sửu Mùi nên dùng Tân Sửu Tân Mùi (thuộc thổ)

Kiểm Dần Thân nên dùng Bính Thân Bính Dần (thuộc hỏa).

Ty long huyết ấy có một hướng.
Hương thứ nhất là hướng tọa Ty hướng Hợi.
Ty long Dàn vào ở chỗ bên tả, huyết ấy thì là tọa Bính hướng Nhâm, nên đùn sang bên bạch hổ gia nửa phần Đinh phương để lấy chính khí Ngọ phương cho mạch suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Ly long nhị hướng
Đệ nhất tọa Bính hướng Nhâm

Phiên âm

Thôi quan đệ thập huyết thiên (bính) quý
Ly cung tả nhĩ khí tòng chú.
Vi gia nam cực cực chu hồi
Sa thủy cũ hợp công hầu chí.

Giải nghĩa

*Thiên bính thôi quan huyết thứ mười,
Ly cung tại tả khí theo nơi,
Gia thêm nam cực chu toàn khéo
Hầu tước công khanh đất đai người.*

Phân kim

Kiểm Hợi Kỷ nên dùng Tân Hợi Tân Ty (thuộc Kim).
Kiểm Tý Ngọ nên dùng Bính Ngọ Bính Tý (thuộc kỷ).
Hương thứ hai là hướng tọa Đinh hướng Quý.
Ly long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa Đinh hướng Quý, nên đùn sang bên thanh long gia nửa phần Bính phương để lấy chính khí Bính Ngọ mà ly mạch suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Đinh hướng Quý

Phiên âm

Ly sơn thiều nghiêu ứng nhật tinh.
Đinh huyết hữu nhĩ thừa viêm (ngọ) tinh.
Vi gia thiên quý (Bính) hào ly vị
Lập kiến (sâu) phú quý quan chức vinh.

Giải nghĩa

*Non ly chót vót nhật tinh
Huyết nhân tại hữu khí sinh ngọ nồng
Hội gia nhân quý vị chung
Giàu sang quan chức vô cùng vinh quang*

Phân kim

Kiểm Ngọ Tý nên dùng Canh Ngọ Canh Tý (thuộc thổ).
Kiểm Mùi Sửu nên dùng Đinh Mùi Đinh Sửu (thuộc thủy).
Đinh long huyết ấy có hai hướng
Hương thứ nhất là hướng tọa khôn hướng cần

Đỉnh long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa khôn hướng Cấn, nên đun nhích sang bên thanh xà gia một phần Ngọ phương để lấy chính khí của Quý Mùi mà đỉnh mạch vào suốt sang tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Đỉnh long nhị hướng
Đệ nhất tọa khôn hướng Cấn

Phiên âm

Thôi quan đệ thất huyết nghi khôn
Nam (đỉnh) cực khí tòng hữu nhĩ bôn
Yếu sử cang khôn kim vật quán huyết
Vi gia thiên mã (ngọ) vinh gia môn.

Giải nghĩa

Thôi quan thứ bảy huyết đỉnh khôn
Nam cực hơi theo bên hữu môn
Cốt để cang kim đứng suốt huyết
Hơi gia thiên mã vẻ vang luôn.

Phân kim

Kiểm Mùi Sửu nên dùng Tân Mùi Tân Sửu (thuộc thổ).
Kiểm Thân Dần nên dùng Bính Thân Bính Dần (thuộc hỏa).
Hướng thứ hai là hướng tọa Tỵ hướng Hợi.
Đỉnh long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa Tỵ hướng Hợi nên đun nhích sang bên hổ gia một phần Mùi phương để lấy chính đỉnh mạch khí của Quý Mùi suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Tỵ hướng Hợi

Phiên âm

Nam (đỉnh) cực hành long thiên (hợi) hoàng hướng.
Khí xung tả nhĩ tối vi thượng.
Huyết niêm tây thú vi gia mùi
Dương (Ngọ) quyền thận vật hào ly gian

Giải nghĩa

Nam cực hành long hội hướng về
Khí xung bên tả khéo man mê.
Huyết niêm tây thú hơi gia vị,
Dương Ngọ phân ly chớ trái nghề.

Phân kim

Kiểm tốn tiền nên dùng Tân Hợi Tân Tỵ (thuộc kim).
Kiểm Bính Nhâm nên dùng Đinh Hợi Đinh Tỵ (thuộc thổ).
Mùi long huyết ấy có một hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa khôn hướng Cấn.
Mùi long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa khôn hướng Cấn nên đun sang bên hữu hơi gia Đinh Mùi chính mạch suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Mùi long nhất hướng
Đệ nhất tọa khôn hướng Cấn.

Phiên âm

Mùi sơn khởi phục long hướng Cấn.
Thiên (Mùi) thường khí xung hữu tiền huyết.
Ai hữu vị đối Đình Mùi khí
Tả đạo vinh hoa nhân quý hiển.

Giải nghĩa

*Non Mùi khô phục Cấn long đấy,
Mùi khí thường xung huyết hữu đầy
Bên hữu đụn sang Đình Mùi với,
Vinh hoa phú quý vẻ vang thay.*

Phân kim

Kiểm Mùi Sửu nên dùng Tân Mùi Tân Sửu (thuộc Thổ).
Kiểm Thân Dần nên dùng Bính Thân Bính Dần (thuộc hỏa).
Khôn long huyết ấy có một hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Đình hướng Quý.
Khôn long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa Đình hướng Quý, nên đụn sang bạch hổ hơi gia nửa phần thân phương, để lấy Giáp Thân chính khôn mạch suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Khôn long nhất hướng
Đệ nhất tọa Đình hướng Quý.

Phiên âm

Đình huyết hồi hoàn cực chu tỏa
Huyền (khôn) qua nhĩ nhập khí quán tà
Huyết ai tay thú vi gia thân,
Khôn mạch chân kỳ phát như hỏa.

Giải nghĩa

*Đình huyết vòng quanh khóa tứ bề,
Huyền qua vào khí tả biên ghê,
Huyết đụn tây thù thân gia chút,
Khôn mạch chân kỳ phát hỏa huê.*

Phân kim

Kiểm Ngọ Tý nên dùng Canh Ngọ Canh Tý (thuộc thổ).
Kiểm Mùi Sửu nên dùng Đinh Mùi Đinh Sửu (thuộc thủy).
Thân long huyết ấy có hai hướng, hướng thứ nhất là hướng tọa đình hướng quý
Thân long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa đình hướng quý nên đụn sang bên hữu hơi gia khôn phương để lấy Mậu Thân chính mạch suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Thân long nhị hướng
Đệ nhất tọa Đình hướng Quý

Phiên âm

Thân sơn cục hướng dương (quí) quang cung
Tả nhĩ thừa khí lực vi trùng.
Huyền (khôn) qua vi gia huyết niêm hữu
Long tôn huyết mỹ gia quý phong.

Giải nghĩa

Quý dương cục hướng non thân,
Khí sang bên tả sức dần trọng thêm,
Huyền qua gia để hữu niêm,
Long tôn huyết đẹp êm đầm giàu sang.

Phân kim

Kiên Ngọ Tý nên dùng Canh Ngọ Canh Tý (thuộc thổ).
Kiêm Mùi Sửu nên dùng Đinh Mùi Đinh Sửu (thuộc thủy).
Hướng thứ hai là hướng tọa Canh hướng Giáp.
Thân long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Canh hướng Giáp, nên độn sang bên tả hơi gia khôn phương để lấy Mậu Thân chính mạch suốt vào tại bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Canh hướng Giáp.

Phiên âm

Thiên (thân) khai long tọa thiên hán cung
Khí lai hữu nhĩ thị chính long
Vi gia thiên (khôn) viết phụ long hành.
Thủy triều cục tỏa nhân tài long.

Giải nghĩa

*Thiên thân long mạch hán thiên cung
Bên hữu khí cùng phụ chính long,
Khôn viết hơi gia thêm giúp đẩy,
Nước châu của lã được người đông*

Phân kim

Kiên Thân Dần nên dùng Canh Thân Canh Dần (thuộc mộc)
Kiêm Dần Mão nên dùng Đinh Dậu Đinh Mão (thuộc hỏa).
Canh long huyết ấy có hai hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Dậu hướng Mão.
Canh long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Dậu hướng Mão, nên độn sang bên tả gia một phần thân phương để lấy Kỷ Dậu chính Canh khí của nó suốt vào tại bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Canh long nhị hướng
Đệ nhất tọa Dậu hướng Mão

Phiên âm

Thôi quan đệ lục hướng đông chấn,
Thiên (canh) hán khí tòng hữu nhĩ tiến,
Vi gia thân vị đa vinh danh,
Phú áp hương bang chúng khâm tín.

Giải nghĩa

*Thôi quan thứ sáu chốn đông
Thiên canh khí tiến cộng đồng hữu biên,
Hơi già thân vị diệu huyền,
Giàu sang danh vọng đức tuyển người tin.*

Phân kim

Kiên Canh Giáp nên dùng Tân Dậu Tân Mão (thuộc mộc).
Kiêm Tân Ất nên dùng Đinh Dậu Đinh Mão (thuộc hỏa).
Hướng thứ hai là hướng tọa Khôn hướng Cấn.

Canh long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa Khôn hướng Cấn nên đun nhích sang bên bạch hổ gia một phân Dậu phương để lấy cái khí chính Canh suốt vào tại bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Khôn hướng Cấn.

Phiên âm

Thiên (canh) hán chính hướng thiên (cấn) thị tinh.
Khí bên tả nhĩ chân kỳ thanh.
Vị gia tây đoài huyết ai hữu
Thủy triều cực bị gia tư doanh.

Giải nghĩa

*Thiên canh thiên thị hướng xa,
Khí sang bên tả thật là thanh cao,
Tây đoài gia chút hữu vào,
Nước châu gia sản dồi dào đầy kho.*

Phân kim

Kiên Mùi Sửu nên dùng Tân Mùi Tân Sửu (thuộc thổ).
Kiêm Thân Dần nên dùng Bính Thân Bính Dần (thuộc hỏa).
Dậu long huyết ấy có hai hướng
Hướng thứ nhất là hướng tọa khôn hướng Cấn.

Dậu long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa khôn hướng Cấn nên đun sang bạch hổ gia một phần tân phương để lấy Kỷ Dậu chính đoài của khí nó suốt vào tại bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Dậu long nhị hướng
Đệ nhất tọa khôn hướng cấn

Phiên âm

Thôi quan đệ cửu đoài sơn cấn
Tả khí xung nhĩ vô đa hệ.
Lược gia thiên (tân) ất quý long lai
Diệc chủ văn chương điền châu quận.

Giải nghĩa

*Thôi quan thứ chín non đoài Cấn
Tả khí xung dinh không quá bận.
Thiên Ất hơi gia long quý đến*

Văn chương lừng lẫy chốn châu quận.

Phân kim

Kiên Mùi Sửu nên dùng Tân Mùi Tân Sửu (thuộc thổ).

Kiên Thân Dần nên dùng Bính Dần Bính Thân (thuộc hỏa).

Hướng thứ hai là hướng tọa Tồn hướng kiên.

Dậu long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa tồn hướng kiên nên đun sang thanh long gia một phân canh phương để lấy chính mạch đoài suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa tồn hướng kiên

Phiên âm

Kim (Dậu) kê lai bạc thiên môn đề
Khí xung hữu nhị thiên (kiên) cứu hư
Vi gia thiên hán oanh thủy sa (kiên)
Thiếu niên nhất cử đẳng khoa đệ.

Giải nghĩa

*Cửa trời gà gáy ghé chơi,
Khí xung bên hữu lâu trời xa xa.
Chút gia thiên hán thủy sa
Thiếu niên nhất cử đẳng khoa bằng vàng.*

Phân kim

Kiên Thìn Tuất nên dùng Canh Thìn Canh Tuất (thuộc kim)

Kiên Tỵ Hợi nên dùng Đinh Tỵ Đinh Hợi (thuộc thổ).

Tân long huyết ấy có ba hướng.

Hướng thứ nhất là hướng tọa tồn hướng kiên.

Tân long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa tồn hướng kiên, nên đun sang thanh long hơi gia một chút Dậu phương để lấy Bính Tân chính khí của nó suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Tồn long tam hướng

Đệ nhất tọa Cấn hướng Kiên.

Phiên âm

Thôi quan đệ tam huyết thiên cứu
Thiên ất hành long hữu nhĩ thụ.
Ai tả lập huyết vi gia Dậu
Trung nam cập đệ hư tử thụ.

Giải nghĩa

Thôi quan thiên cứu thứ ba
Long hành thiên ất tại mà hữu niêm
Đun sang bên tả Dậu kiên
Trung nam thị đậu long huyền áo lam

Phân kim

Kiên Tuất Thìn nên dùng Canh Tuất, Canh Thìn (thuộc kim).

Kiểm Hợi Tỵ nên dùng Đinh Hợi Đinh Tỵ (thuộc thổ).
Hương thứ hai là hương tọa Dậu hướng Mão.
Tân long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa Dậu hướng Mão nên đun sang
bạch hổ gia một phần Tuất phương để lấy Bính tuất chính tân của khí suốt vào tai bên
tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:
Đệ nhị tọa Dậu hướng Mão.

Phiên âm

Âm tuyền (tân) thiên tây hướng đông chấn,
Âm tuyền khí tòng tả nhĩ tiến,
Vị xâm lâu vị vật gia đa,
Tuần cảnh tiểu quan diệc anh tuấn.

Giải nghĩa

*Âm tuyền đông chấn trời tây
Âm tuyền khí cũng theo tai tả mà
Lâm sang lâu vị dần dà
Tiểu quan tuần cảnh cũng là giỏi giang*

Phân kim

Kiểm Canh Giáp nên dùng Tân Dậu Tân Mão (thuộc mộc).
Kiểm Tân Ất nên dùng Đinh Dậu Đinh Mão (thuộc hỏa).
Hương thứ ba là hương tọa Khôn hướng Cấn.
Tân long đầu vào ở chỗ ngang vào bên trái ra bên phải, huyết ấy thì là tọa khôn
hướng cấn nên đun sang bên hữu để lấy chính khí Bính Tuất suốt vào lưng bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:
Đệ tam tọa khôn hướng Cấn.

Phiên âm

Âm (tân) tuyền long hướng thiên (Cấn) thị viên.
Khí tòng tả du xuy kỳ nguyên,
Ngọc đường kim mã vô phân đảo,
Nho quan tuấn nhĩ đa điền viên.

Giải nghĩa

*Âm tuyền long hướng chợ trời,
Khí theo bên tả bụng người tự nhiên.
Ngọc đường kim mã thiên duyên,
Quan cao nho nhĩ điền viên lâu dài.*

Phân kim

Kiểm Mùi Sửu nên dùng Tân Mùi Tân Sửu (thuộc thổ).
Kiểm Thân dần nên dùng Bính Thân Bính Dần (thuộc hỏa).
Tuất long huyết ấy có một hướng, hướng thứ nhất là hướng tọa Tân hướng Ất.
Tuất long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa Tân hướng Ất, nên đun nhích
sang bên hữu gia chút dậu phương để lấy chính khí Canh Tuất suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:
Tuất long nhất hướng

Đệ nhất tọa Tân hướng Ất.

Phiên âm

Tuất long điều điều huyết hướng Ất,
Cổ bản tả khí bốn nhĩ nhập,
Long hành khởi phục hựu dương triều.
Đã phú đã khùng nhân tàn tật.

Giải nghĩa

*Long tuất vượt qua hướng Ất trôi,
Cổ bản tả khí chạy vào rồi,
Long hành vùng vẫy mông mênh nước
Giàu có lo người khổ bệnh thôi*

Phân kim

Kiên Dậu Mão nên dùng Tân Dậu Tân Mão (thuộc mộc)
Kiêm Tuất Thìn nên dùng Bính Tuất Bính Thìn (thuộc thổ).
Kiên long huyết ấy có một hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Tân hướng Ất.
Kiên long đầu vào ở chỗ bên tả huyết này thì là tọa tân hướng Ất, nên đun nhích sang bên hữu hơi gia một chút tuất phương để lấy chính khí phương Hợi suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Kiên long nhất hương
Đệ nhất tọa tân hướng ất.

Phiên âm

Dương (kiên) cơ hành long nghi hướng Ất,
Siêu siêu tả khí tòng nhĩ nhập,
Huyết nghi ai hữu vi gia lâu,
Thủy triều cực bị gia tư phú.

Giải nghĩa

*Dương cát hành long ất đóng vai
Vượt qua bên tả khí vào tai.
Huyết đun sang hữu sao lâu chiếu,
Triều thủy giàu sang ý chẳng sai.*

Phân kim

Kiên Dậu Mão nên dùng Tân Dậu Tân Mão (thuộc mộc).
Kiêm Tuất Thìn nên dùng Bính Tuất Bính Thìn (thuộc thổ).
Hợi long huyết ấy có ba hướng.
Hướng thứ nhất là hướng tọa Nhâm hướng Bính.
Hợi long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa Nhâm hướng Bính, nên đun nhích sang thanh long hơi gia kiên phương nửa phần để lấy chính khí Tân Hợi suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Hợi long tam hướng
Đệ nhất tọa nhâm hướng Bính.

Phiên âm

Thôi quan đệ nhất thiên (nhâm) phụ huyết.
Thiên hoàng (Hội) chính khí tông hữu nhĩ.
Án nghi ai tả vi gia kiền.
Tử thụ kim chương tại tiền liệt.

Giải nghĩa

*Nhâm thiên đệ nhất thôi quan
Khí theo tai hữu thiên hoàng hội phương
Nhích sang bên tả kiền nường,
Cháu con giải tía huy chương cấm bào.*

Phân kim

Kiên Hội Ty nên dùng Tân Hội Tân Ty (thuộc kim).
Kiêm Ngộ Tý nên dùng Bính Ngộ Bính Tý (thuộc thủy).
Hướng thứ hai là hướng tọa kiền hướng tốn.
Hội long đầu vào ở chỗ bên tả huyết ấy thì là tọa kiền hướng tốn nên đun nhích sang bạch hổ hơi gia nửa phần, nhâm phương để lấy chính khí Hội phương suốt vào tai bên tả.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ nhị tọa Kiền hướng Tốn

Phiên âm

Thiên hoàng (hội) khí xạ thiên (kiền) cứu tinh.
Vị ai tây thú gia nhâm hành.
Thiên cứu huyết không thủy vi cát
Tả khí nhĩ (khí) thụ quan tư vinh.

Giải nghĩa

*Thiên hoàng hội khí cứu tinh
Nhích sang tây thú gia đình nhâm hành
Lầu trời không hoàng tốt lành.
Mạch tai bên tả quan thành vinh quang*

Phân kim

Kiên Tuất Thìn nên dùng Canh Tuất Canh Thìn (thuộc kim).
Kiêm Hội Ty nên dùng Đinh Hội Đinh Ty (thuộc thổ).
Hướng thứ ba là hướng tọa quý hướng Đinh.
Hội long đầu vào ở chỗ bên hữu huyết ấy thì là tọa quý hướng Đinh, nên đun nhích sang thanh long gia một phần kiền phương để lấy chính khí Tân Hội suốt vào tai bên hữu.

Thơ thôi quan của họ Lại nói rằng:

Đệ tam tọa quý hướng Đinh

Phiên âm

Thiên hoàng (Hội) khí xung huyết bắc đạo.
Ai tả lập huyết vi xu yếu
Sảo gia kiền vị tế suy tường
Hữu nhi thừa khí đoài xung não.

Giải nghĩa

*Bắc đạo thiên hoàng hợp khí xung,
Đun sang bên tả tốt vô cùng,
Hơi gia kiển vị càng tinh tế
Tai hữu đoài xung đến não nùng.*

Phân kim

Kiên Tý Ngọ nên dùng Canh Tý Canh Ngọ (thuộc thổ).

Kiên Sửu Mùi nên dùng Đinh Sửu Đinh Mùi (thuộc thủy).

Bên hữu trên đây đã nói rõ mọi phương hướng thuộc Can chi hay bát quái nào, và các thứ long mạch theo như phép phân kim thuộc về những huyết vị hướng gì, đại phạm xem hể thấy nói rằng: thôi quan thi vân ấy là những thiên địa lý thôi quan của nhà họ Lại vậy.

TỔNG LUẬN VỀ HAI CUỘC ÂM DƯƠNG THEO THỦY PHÁP TỐT HAY XẤU

Đại phạm long mạch mà lại âm vị thì nên thiên táng đầu hướng về âm vị để được chính khí thủy đạo mạch hợp ở chỗ hợp tinh, nên theo phát nguồn ở âm vị, âm vị tới minh đường rồi sẽ ra thủy khẩu được như thế thì là rất tốt, nhược bằng lẫn lộn tạp nhập với dương thì trong kinh đã nói rằng: Đó là dương thủy phá âm cực tức là chủ xấu.

Kiên Giáp khôn Ất Ly Nhâm Dần Tuất Khảm Quý Thân Thìn ấy là mười hai vị đều thuộc về dương vậy.

Phạm lệ hể long mạch lại dương vị, thì nên thiên táng theo hướng dương cốt làm sao để thu được dương thủy dẫn đến minh đường rồi phải có lối ra ngoài thủy khẩu được như thế thời là rất tốt, nhược bằng lẫn lộn với ở nơi âm thì là xấu.

VẬN NIÊN TRONG MƯỜI HAI NĂM

Khi làm nhà, hoặc khi mai táng, nên biết những phương hướng nào tốt hay xấu.

Năm thái tuế gặp phải năm Tý thì là địa vị ấy của thủy tinh vậy.

Chính sát là nam phương Ty Ngọ Mùi chẳng nên làm nhà hay mai táng Bính Nhâm Đinh Quý là phương sát dữ.

Nên làm những hướng Giáp Canh Ất Tân tọa Cấn hướng khôn thì là đại cát lợi.

Tháng ba, tháng bảy, tháng mười một năm thái tuế đóng ở Sửu thì là địa vị của kim tinh chính sát ở phương đông Dần Mão Thìn chẳng nên dùng Giáp Canh Ất Tân, phạm sát phương dữ.

Nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý tọa kiển hướng Tốn dùng vào tháng hai, tháng tư, tháng sáu, tháng tám, tháng mười, tháng mười hai là đại cát lợi.

Năm thái tuế công ở Dần thì là địa vị của hỏa tinh, chính sát tại Bắc phương Hợi Tý Sửu chẳng nên dùng Bính phân định quý là bốn hướng phạm sát nên dùng Giáp Canh Ất Tân tọa cấn hướng khôn dùng vào những tháng giêng, tháng ba, tháng chín, tháng mười một là đại cát.

Năm thái tuế đóng ở Mão thì là địa vị của mộc tinh, chính sát tại phương Tây Thân Dậu Tuất chẳng nên dùng Giáp Canh Ất Tân là bốn hướng phạm sát nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý tọa kiển hướng tốn nên dùng vào những tháng tám, tháng mười, tháng mười hai đều là cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Thìn thì là địa vị của thủy tinh chính sát tại phương nam Ty Ngọ Mùi chẳng nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý là bốn hướng phạm sát nên dùng Giáp Canh Ất Tân tọa cấn hướng khôn nên dùng vào những tháng giêng, tháng năm, tháng bảy, tháng mười một là đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Ty thì là địa vị của kim tinh, chính sát tại phương đông Dần Mão Thìn chẳng nên dùng Giáp Canh Ất Tân là bốn hướng phạm sát, nên dùng Bính

Nhâm Đinh Quý tọa kiền hướng tốn dùng vào những tháng tư, tháng tám, tháng mười hai là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Ngọ thì là địa vị của hỏa tinh chính sát tại phương bắc Hợi Tý Sửu chẳng nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý là bốn hướng phạm sát chỉ nên dùng Giáp Canh Ất Tân tọa坎 hướng khôn dùng vào những tháng giêng, tháng ba, tháng năm, tháng chín đều là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Mùi thì là địa vị của mộc tinh, chính sát tại phương tây Thân Dậu Tuất chẳng nên dùng Giáp Canh Ất Tân là bốn hướng phạm sát chỉ nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý tọa kiền hướng Tốn dùng vào những tháng tư, tháng sáu, tháng tám, tháng mười hai là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở thân thì là địa vị của thủy tinh, Chính sát tại phương Nam Tỵ Ngọ Mùi chẳng nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý là bốn hướng phạm sát, chỉ nên dùng Giáp Canh Ất Tân tọa khôn hướng Cấn dùng vào những tháng năm, tháng ba, tháng chín, tháng mười một là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Dậu thì là địa vị của kim tinh. Chính sát tại phương Đông Dần Mão Thìn chẳng nên dùng Giáp Canh Ất Tân là bốn hướng phạm sát mà chỉ nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý tọa kiền hướng Tốn dùng vào những tháng tư, tháng sáu, tháng tám, tháng mười hai là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Tuất thì là địa vị của hỏa tinh. Chính sát ở phương Bắc Hợi Tý Sửu chẳng nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý là bốn hướng phạm sát mà chỉ nên dùng Giáp Canh Ất Tân tọa khôn hướng Cấn dùng vào những tháng giêng, tháng ba, tháng chín, tháng bảy, tháng mười một là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở Hợi thì là địa vị của mộc tinh. Chính sát tại phương tây Thân Dậu Tuất chẳng nên dùng làm nhà hay thiên táng nên kiêng những Giáp Canh Ất Tân là bốn hướng phạm sát mà chỉ nên dùng Bính Nhâm Đinh Quý tọa kiền hướng Tốn, khi dùng hướng nào phải chọn cho được những hướng Thiên Ất hay là Quý Nhâm là đại cát lợi.

PHÉP LUẬN DIỄN CẦM TINH

Người ta có thể thử đặt ra thành công thức để mà nó phỏng, để làm phương châm, để tìm ra sao nào là bản mệnh, sao nào đóng ở cung nào, hoặc sao nào ghé vào cung độ nào? Nhưng cũng chỉ có hai mươi bốn tám vì tinh tú chính mỗi tháng chia ra làm mười lăm phần hay là chia ra làm hai cung Tý Ngọ Mão Dậu ấy là bốn cung chính rồi mỗi tháng có ba thứ sao, mỗi thứ sao đều chủ phận trong mười ngày, bốn cung và ba thứ sao, tám cung lại chia làm hai thứ sao mỗi tháng là mười lăm phần mỗi phần là một thứ sao, ví dụ từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi mỗi một phần nửa là một phần sao, giả như năm Giáp Tý tháng giêng ngày Tý là ngày mồng năm giờ Sửu thời khắc ấy mấy sinh ra, sao Thái dương và sao Nữ ở cung độ thứ tư thì an mạnh ở cung Dần. Sao vĩ và hỏa hổ độ bốn khởi từ cung ấy.

Đến ngày mười lăm ngày mười sáu thời lại bắt đầu từ sao ky và thủy báo cứ y như thế trong một năm mười hai tháng bắt chước theo kiểu mẫu như thế, bằng như khi gặp phải sao nào qua cung nào thì thụ ở bài ca dưới đây để mà tra cứu cho đúng thực để cho được biết những sự tốt xấu hay lành dữ thì lập tức thấy ngay.

Đó là một phép khôn khéo của người xưa đã nhất định như thế vậy.

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Trương 15 độ Dực Chấn 1 độ	Liêu 4 độ Tinh Trương 14 độ	Tinh 9 độ Quý Liêu 3 độ	Tất 7 độ Tuy Sâm Tinh 8 độ
THÌN			DẬU
Đê 2 độ Giốc Chấn 11 độ	Đê 2 độ quá Mão Đầu 4 độ quá Sửu Nguy 13 độ quá Hợi	Vĩ 3 độ quá Dần Nữ 2 độ quá Tý Khuê 2 độ quá Tuất	Tất 6 độ Mão Vị 4 độ
MÃO			TUẤT
Đê Phòng 2 độ Tâm 3 độ Vĩ	Vị 4 độ quá Dậu Tinh 9 độ quá Mùi Trương 15 độ quá Tý	Tất 7 độ quá Thân Liêu 4 độ quá Ngọ Chấn 10 độ quá Thìn	Khuê 11 độ Lâu Vị 3 độ
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Đầu 3 độ Ngưu Kỵ 3 độ Vĩ	Nữ 1 độ Ngưu Đầu 3 độ	Nguy 12 độ Hư Nữ 2 độ	Khuê 4 độ Bích Thất 13 độ Nguy

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Sao dực hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Sao chấn thủy dẫn thủy tinh	Sao liễu thổ trưng thổ tinh Sao tinh nhật mã thái dương Sao trưng nguyệt lộc thái âm thăng điện	Sao tinh mộc ngạn mộc tinh Thăng điện Sao quĩ kim dương kim tinh	Sao tuy Hỏa tinh Thăng điện Sao sâm Thủy viên thủy tinh
THÌN	TRUNG ƯƠNG		DẬU
Sao giốc mộc giảo tinh thăng điện Sao cang kim long kim tinh			Sao vị Thổ trĩ thổ tinh thăng điện Sao mao Nhật kê thái dương Sao tất Nguyệt ô thái âm
MÃO			TUẤT
Sao đề thổ lạc thổ tinh Sao phòng nhật thổ thái dương Nguyệt hồ thái âm sao tâm thăng điện			Sao khuê mộc lang mộc tinh thăng điện Sao lâu kim cầu kim tinh
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Sao kỵ thủy bảo thủy tinh thăng điện Sao vĩ hỏa hổ hỏa tinh	Sao Nữ thổ tức thổ tinh Sao Ngưu kim ngưu kim tinh Sao đầu mộc giải mộc tinh thăng điện	Sao nguy nguyệt yến thái âm Thăng điện Sao hư nhật thử thái dương	Sao khuê Mộc lang mộc tinh thăng điện Sao bích thủy du thủy tinh Sao thất hỏa du hỏa tinh

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Trương 10 độ Dực Chấn 1 độ	Liểu 4 độ Tinh Trương 14 độ	Tinh 9 độ Quý Liểu 3 độ	Tất 7 độ Tuy Sâm Tinh 8 độ
THÌN			DẬU
Đê 2 độ Giốc Chấn 11 độ	Đê 2 độ quá Mão Đẩu 4 độ quá Sửu Nguy 13 độ quá Hợi	Vĩ 3 độ quá Dần Nữ 2 độ quá Tý Khuê 2 độ quá Tuất	Tất 7 độ Mão Vị 4 độ
MÃO			TUẤT
Đê 2 độ Phòng Tâm 3 độ Vĩ	Vị 4 độ quá Dậu Tinh 9 độ quá Mùi Trương 15 độ quá Tý	Tất 7 độ quá Thân Liểu 4 độ quá Ngọ Chấn 10 độ quá Thìn	Khuê 11 độ Lâu Vị 3 độ
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Đẩu 3 độ Ngưu Kỵ 3 độ Vĩ	Nữ 1 độ Ngưu Đẩu 4 độ	Nguy 12 độ Hư Nữ 2 độ	Khuê 1 độ Bích Thất 13 độ Nguy

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Sao dực hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Sao chấn thủy dẫn thủy tinh	Sao liêu thổ trương thổ tinh Sao tinh nhật mã thái dương Sao trương nguyệt lộc thái âm thăng điện	Sao tinh mộc ngạn mộc tinh Thăng điện Sao quĩ kim dương kim tinh	Sao tuy Hỏa tinh Thăng điện Sao sâm Thủy viên thủy tinh
THÌN	TRUNG ƯƠNG		DẬU
Sao giốc mộc giáo tinh thăng điện Sao cang kim long kim tinh			Sao vị Thổ trĩ thổ tinh thăng điện Sao mảo Nhật kê thái dương Sao tất Nguyệt ô thái âm
MÃO			TUẤT
Sao đề thổ lạc thổ tinh Sao phòng nhật thổ thái dương Nguyệt hồ thái âm sao tâm thăng điện			Sao khuê mộc lang mộc tinh thăng điện Sao lâu kim cầu kim tinh
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Sao kị thủy bảo thủy tinh thăng điện Sao vĩ hỏa hổ hỏa tinh	Sao Nữ thổ tức thổ tinh Sao Ngưu kim ngưu kim tinh Sao đầu mộc giải mộc tinh thăng điện	Sao nguy nguyệt yến thái âm Thăng điện Sao hư nhật thử thái dương	Sao khuê Mộc lang mộc tinh thăng điện Sao bích Thủy du thủy tinh Sao thất Hỏa dư hỏa tinh

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Trương Thập ngũ Dực độ Chấn Nhất độ	Liễu Tứ độ Tinh Trương Thập tứ độ	Tinh Cửu độ Quý Liễu Tam độ	Tất Thất độ Tuy Sâm Tinh Bát độ
THÌN	Đê nhị độ quá Mão Đẩu tứ độ quá Sửu Nguy thập tam độ quá Hợi Vĩ tam độ quá Dần Nữ nhị độ quá Tý Khuê nhị độ quá Tuất		DẬU
Đê Nhị độ Giốc Chấn Thập nhất độ			Tất Thất độ Mão Vĩ Tứ độ
MÃO			TUẤT
Đê Nhị độ Phòng Tâm Tam độ Vĩ	Vĩ tứ độ quá Dậu Tinh cửu độ quá Mùi Trương thập ngũ độ quá Tý	Tất thất độ quá Thân Liễu tứ độ quá Ngọ Chấn thập độ quá Thìn	Khuê Thập nhất độ Lô Vĩ Tam độ
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Đẩu Tam độ Ngưu Kỵ Tam độ Vĩ	Nữ Nhất độ Ngưu Đẩu Tứ độ	Nguy Thập Hư nhị độ Nữ Nhị độ	Khuê Nhất độ Bích Thất Thập tam độ Nguy

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Sao dực hỏa tinh nhập viên Thủy tinh nhập viên Sao Chấn kim tinh nhập viên.	Sao liêu thổ tinh nhập viên nhật tinh Sao tinh nhập viên Nguyệt tinh nhập viên Sao trượng thủy tinh hiển vinh cục	Sao tinh kim tinh nhập viên Hỏa tinh nhập viên Sao quĩ mộc tinh nhập viên.	Sao tuy Hỏa tinh nhập viên Mộc tinh nhập viên Sao sâm sao tử vi nhập viên
THÌN	Kìa như sao bản mạch tinh thần vào được trong viên cục, cũng như người làm quan ở triều đường mà được sao bản mệnh cùng chiếu vào cung viên thì mạng mình hiển vinh phát đạt vẻ vang thế lực có thể đề được tước tam thai vào được tám tòa quan thượng tọa. Đó là vận mệnh hàn lâm. Nhưng nếu cách dẫu cao mà tinh thần không vào được viên cung, thì dẫu có tài lộc chức vị cũng là bậc trung bậc dưới mà thôi.	DẬU	
Sao Giốc mộc tinh nhập viên Sao cang kim tinh nhập viên		Sao tất thổ tinh nhập viên Nhật tinh nhập viên Mão nguyệt tinh nhập viên Sao Vị la tinh nhập viên	
MÃO		TUẤT	
Sao đề nhật tinh nhập viên Nguyệt tinh nhập viên. Sao phòng tai thiên đường cục Sao tâm duy tinh nhập viên		Sao lâu Kim tinh nhập viên Sao Khuê mộc tinh nhập viên	
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Sao vĩ Hỏa tinh nhập viên. Mộc tinh nhập viên Sao kỵ tử vi nhập viên	Sao ngư mộc tinh nhập viên Thổ tinh thái thường nhập viên Sao Đẩu kim tinh nhập viên	Sao nguy nhật tinh nhập viên. Sao Hư thổ tinh nhập viên Sao Nữ nguyệt tinh nhập viên	Sao bích Hỏa tinh nhập viên Mộc tinh nhập viên Sao thất hỏa tinh văn xương nhập viên

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Sao dực hỏa tinh nhập viên Thủy tinh nhập viên Sao Chấn kim tinh nhập viên.	Sao Liễu thổ tinh nhập viên nhật tinh Sao tinh nhập viên Nguyệt tinh nhập viên Sao trượng thủy tinh hiển vinh cục	Sao tinh kim tinh nhập viên Hỏa tinh nhập viên Sao quĩ mộc tinh nhập viên.	Sao tuy Hỏa tinh nhập viên Mộc tinh nhập viên Sao sâm sao tử vi nhập viên
THÌN	Kìa như sao bản mạch tinh thần vào được trong viên cục, cũng như người làm quan ở triều đường mà được sao bản mệnh cùng chiếu vào cung viên thì mạng mình hiển vinh phát đạt vẻ vang thế lực có thể được được tước tam thái vào được tám tòa quan thượng tọa. Đó là vận mệnh hàn lâm. Nhưng nếu cách dẫu cao mà tinh thần không vào được viên cung, thì dẫu có tài lộc chức vị cũng là bậc trung bậc dưới mà thôi.	DẬU	
Sao Giốc mộc tinh nhập viên Sao cang kim tinh nhập viên		Sao tất thổ tinh nhập viên Nhật tinh nhập viên Mão nguyệt tinh nhập viên Sao Vị la tinh nhập viên	
MÃO		TUẤT	
Sao đề nhật tinh nhập viên Nguyệt tinh nhập viên. Sao phòng tai thiên đường cục Sao tâm duy tinh nhập viên		Sao lâu Kim tinh nhập viên Sao Khuê mộc tinh nhập viên	
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Sao vĩ Hỏa tinh nhập viên. Mộc tinh nhập viên Sao kỵ tử vi nhập viên	Sao ngư mộc tinh nhập viên Thổ tinh thái thường nhập viên Sao Đẩu kim tinh nhập viên	Sao nguy nhật tinh nhập viên. Sao Hư thổ tinh nhập viên Sao Nữ nguyệt tinh nhập viên	Sao bích Hỏa tinh nhập viên Mộc tinh nhập viên Sao thất Hỏa tinh văn xương nhập viên

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Sao dực hỏa tinh nhập viên Thủy tinh nhập viên Sao Chấn kim tinh nhập viên.	Sao Liễu thổ tinh nhập viên nhật tinh Sao tinh nhập viên Nguyệt tinh nhập viên Sao trượng thủy tinh hiển vinh cục	Sao tinh kim tinh nhập viên Hỏa tinh nhập viên Sao quĩ mộc tinh nhập viên.	Sao tuy Hỏa tinh nhập viên Mộc tinh nhập viên Sao sâm sao tử vi nhập viên
THÌN	Kìa như sao bản mạch tinh thần vào được trong viên cục, cũng như người làm quan ở triều đường mà được sao bản mệnh cùng chiếu vào cung viên thì mạng mình hiển vinh phát đạt vẻ vang thế lực có thể đề được tước tam thai vào được tám tòa quan thượng tọa. Đó là vận mệnh hàn lâm. Nhưng nếu cách dẫu cao mà tinh thần không vào được viên cung, thì dẫu có tài lộc chức vị cũng là bậc trung bậc dưới mà thôi.	DẬU	
Sao Giốc mộc tinh nhập viên Sao cang kim tinh nhập viên		Sao tất thổ tinh nhập viên Nhật tinh nhập viên Mão nguyệt tinh nhập viên Sao Vị la tinh nhập viên	
MÃO		TUẤT	
Sao đề nhật tinh nhập viên Nguyệt tinh nhập viên. Sao phòng tai thiên đường cục Sao tâm duy tinh nhập viên		Sao lâu Kim tinh nhập viên Sao Khuê mộc tinh nhập viên	
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Sao vĩ Hỏa tinh nhập viên. Mộc tinh nhập viên Sao kỵ tử vi nhập viên	Sao ngưu mộc tinh nhập viên Thổ tinh thái thường nhập viên Sao Đẩu kim tinh nhập viên	Sao nguy nhật tinh nhập viên. Sao Hư thổ tinh nhập viên Sao Nữ nguyệt tinh nhập viên	Sao bích Hỏa tinh nhập viên Mộc tinh nhập viên Sao thất Hỏa tinh văn xương nhập viên

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
DỰC Hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Chấn Thủy dẫn thủy tinh	Liểu Thổ trương thổ tinh TINH Nhật mã thái dương TRƯỜNG Nguyệt lộc thái âm Thăng điện	TINH Mộc ngạn mộc tinh Thăng điện QUÝ Kim dương kim tinh	Tuy Hỏa tinh Thăng điện Sâm Thủy tinh thủy viên
THÌN	TRUNG ƯƠNG		DẬU
GIỐC Mộc giảo Mộc tinh Thăng điện CANG Kim long kim tinh			Vị Thổ trì thổ tinh thăng điện Mão Nhật kê thái dương Tất nguyệt ô thái âm
MÃO			TUẤT
ĐẾ Thổ lạc thổ tinh PHÒNG Nhật thổ thái dương TÂM Nguyệt hồ Thái âm Thăng điện			Khuê Mộc viên Mộc tinh Thăng điện Lâu Kim cầu kim tinh
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
KỶ Thủy báo thủy tinh thăng điện Vĩ Hỏa hổ hỏa tinh	NỮ Thổ bức thổ tinh NGŨU Kim ngư kim tinh ĐẦU Mộc giải mộc tinh Thăng điện	NGUY Nguyệt yển thái âm Thăng điện HƯ Nhật thử thái dương	Khuê Mộc lang Mộc tinh Thăng điện BÍCH Thủy du thủy tinh THẤT Hỏa trư, hỏa tinh

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
DỰC Hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Chấn Thủy dẫn thủy tinh	Liểu Thổ trương thổ tinh TINH Nhật mã thái dương TRƯỜNG Nguyệt lộc thái âm Thăng điện	TINH Mộc ngạn mộc tinh Thăng điện QUÝ Kim dương kim tinh	Tuy Hỏa tinh Thăng điện Sâm Thủy tinh thủy viên
THÌN	TRUNG ƯƠNG		DẬU
GIỐC Mộc giảo Mộc tinh Thăng điện CANG Kim long kim tinh			Vị Thổ trì thổ tinh thăng điện Mão Nhật kê thái dương Tất nguyệt ô thái âm
MÃO			TUẤT
ĐẾ Thổ lạc thổ tinh PHÒNG Nhật thổ thái dương TÂM Nguyệt hồ Thái âm Thăng điện			Khuê Mộc viên Mộc tinh Thăng điện Lâu Kim cầu kim tinh
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
KỶ Thủy báo thủy tinh thăng điện Vĩ Hỏa hổ hỏa tinh	NỮ Thổ bức thổ tinh NGŨU Kim ngư kim tinh ĐẦU Mộc giải mộc tinh Thăng điện	NGUY Nguyệt yển thái âm Thăng điện HƯ Nhật thử thái dương	Khuê Mộc lang Mộc tinh Thăng điện BÍCH Thủy du thủy tinh THẤT Hỏa trư, hỏa tinh

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Dực chấn Hỏa nhập viên Thủy nhập viên Kim nhập viên	Liểu Tinh Trương Thổ nhập viên Nguyệt nhập viên Thủy hiển vinh cục	Tĩnh Quỷ Kim nhập viên Hỏa nhập viên Mộc nhập viên	Tuy Sâm Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên
THÌN	<p>Phù tinh thần chi nhập viên cục. Như sĩ hoạn chi tại triều cường, thượng cách chi mạnh, tu đắc tinh chi qui viên vị, tắc mạnh chức hiển diệu, áp tam thai nhập bát tọa. Nãi hàn lâm chi mạnh, cách tuy cao. Nhi tinh bát nhập cục, tắc tay hữu lộc vị, chung vị, chung phẩm hạ phẩm chi quý.</p>	DẬU	
Giốc Cang Mộc nhập viên Kim nhập viên		Tắt Mão Vị Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên La nhập viên	
MÃO		TUẤT	
Đê Phòng Tâm Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Tai thiên đường cục Duy nhập viên		Lâu Khuê Kim nhập viên Mộc lập viên	
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Vĩ Kỵ Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên	Ngưu Đầu Mộc nhập viên Thổ tả thường viên Kim nhập viên	Nguy Hư Nữ Nhật nhập viên Thổ nhập viên Nguyệt nhập viên	Bích Thất Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Hỏa văn xương viên

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
DỰC Hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Chấn Thủy dẫn thủy tinh	Liểu Thổ trương thổ tinh TINH Nhật mã thái dương TRƯƠNG Nguyệt lộc thái âm Thăng điện	TINH Mộc ngạn mộc tinh Thăng điện QUÝ Kim dương kim tinh	Tuy Hỏa tinh Thăng điện Sâm Thủy tinh thủy viên
THÌN	TRUNG ƯƠNG		DẬU
GIỐC Mộc giảo Mộc tinh Thăng điện CANG Kim long kim tinh			Vị Thổ trì thổ tinh thăng điện Mão Nhật kê thái dương Tất nguyệt ô thái âm
MÃO			TUẤT
ĐẾ Thổ lạc thổ tinh PHÒNG Nhật thổ thái dương TÂM Nguyệt hồ Thái âm Thăng điện			Khuê Mộc viên Mộc tinh Thăng điện Lâu Kim cầu kim tinh
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
KỶ Thủy báo thủy tinh thăng điện Vĩ Hỏa hổ hỏa tinh	NỮ Thổ bức thổ tinh NGŨU Kim ngưu kim tinh ĐẤU Mộc giải mộc tinh Thăng điện	NGUY Nguyệt yển thái âm Thăng điện HƯ Nhật thử thái dương	Khuê Mộc lang Mộc tinh Thăng điện BÍCH Thủy du thủy tinh THẤT Hỏa trư, hỏa tinh

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Trương 15 độ Dực Chấn 1 độ	Liểu 4 độ Tinh Trương 14 độ	Tinh 9 độ Quỷ Liểu 3 độ	Tất 7 độ Tuy Sâm Tinh 8 độ
THÌN			DẬU
Đê 2 độ Giốc Chấn 11 độ	Đê 2 độ quá Mão Đẩu 4 độ quá Sửu Nguy 13 độ quá Hợi	Vĩ 3 độ quá Dần Nữ 2 độ quá Tý Khuê 2 độ quá Tuất	Tất 6 độ Mão Vị 4 độ
MÃO			TUẤT
Đê Phòng 2 độ Tâm 3 độ Vĩ	Vị 4 độ quá Dậu Tinh 9 độ quá Mùi Trương 15 độ quá Tý	Tất 7 độ quá Thân Liểu 4 độ quá Ngọ Chấn 10 độ quá Thìn	Khuê 11 độ Lâu Vị 3 độ
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Đẩu 3 độ Ngưu Kỷ 3 độ Vĩ	Nữ 1 độ Ngưu Đẩu 3 độ	Nguy 12 độ Hư Nữ 2 độ	Khuê 1 độ Bích Thất 13 độ Nguy

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Trương Thập ngũ Dực độ Chấn Nhất độ	Liễu Tứ độ Tinh Trương Thập tứ độ	Tinh Cửu độ Quý Liễu Tam độ	Tất Thất độ Tuy Sâm Tinh Bát độ
THÌN	Đê nhị độ quá Mão Đẩu tứ độ quá Sửu Nguy thập tam độ quá Hợi Vĩ tam độ quá Dần Nữ nhị độ quá Tý Khuê nhị độ quá Tuất		DẬU
Đê Nhị độ Giốc Chấn Thập nhất độ			Tất Thất độ Mão Vị Tứ độ
MÃO			TUẤT
Đê Nhị độ Phòng Tâm Tam độ Vĩ	Vĩ tứ độ quá Dậu Tinh cửu độ quá Mùi Trương thập ngũ độ quá Tý	Tất thất độ quá Thân Liễu tứ độ quá Ngọ Chấn thập độ quá Thìn	Khuê Thập nhất độ Lôu Vĩ Tam độ
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Đẩu Tam độ Ngưu Kỵ Tam độ Vĩ	Nữ Nhất độ Ngưu Đẩu Tứ độ	Nguy Thập nhị độ Hư Nữ Nhị độ	Khuê Nhất độ Bích Thất Thập tam độ Nguy

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Sao dực hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Sao chần thủy dẫn thủy tinh	Sao liễu thổ trưng thổ tinh Sao tinh nhật mã thái dương Sao trưng nguyệt lộc thái âm thăng điện	Sao tinh mộc ngạn mộc tinh Thăng điện Sao quĩ kim dương kim tinh	Sao tuy Hỏa tinh Thăng điện Sao sâm Thủy viên thủy tinh
THÌN	TRUNG ƯƠNG		DẬU
Sao giốc mộc giảo mộc tinh thăng điện Sao cang kim long kim tinh			Sao vị Thổ trĩ thổ tinh thăng điện Sao mao Nhật kê thái dương Sao tất Nguyệt ô thái âm
MÃO			TUẤT
Sao đề thổ lạc thổ tinh Sao phòng nhật thổ thái dương Nguyệt hồ thái âm sao tâm thăng điện			Sao khuê mộc lang mộc tinh thăng điện Sao lâu kim cầu kim tinh
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Sao kỵ thủy báo thủy tinh thăng điện Sao vĩ hỏa hổ hỏa tinh	Sao Nữ thổ bức thổ tinh Sao Ngưu kim ngưu kim tinh Sao đầu mộc giải mộc tinh thăng điện	Sao nguy nguyệt yến thái âm Thăng điện Sao hư nhiệt thử thái dương	Sao khuê Mộc lang mộc tinh thăng điện Sao bích Thủy du thủy tinh Sao thất Hỏa du hỏa tinh

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Dực chấn Hỏa nhập viên Thủy nhập viên Kim nhập viên	Liểu Tinh Trương Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Thủy hiển vinh cục	Tĩnh Quý Kim nhập viên Hỏa nhập viên Mộc nhập viên	Tuy Sâm Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên
THÌN	<p>Phù tinh thần chi nhập viên cục. Như sĩ hoạn chi tại triều cường, thượng cách chi mạnh, tu đắc tinh chi qui viên vị, tắc mạnh chức hiển diệu, áp tam thai nhập bát tọa. Nãi hàn lâm chi mạnh, cách tuy cao. Nhi tinh bất nhập cục, tắc tay hữu lộc vị, chung vị, chung phẩm hạ phẩm chi quý.</p>	DẬU	
Giốc Cang Mộc nhập viên Kim nhập viên		Tắt Mão Vị Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên La nhập viên	
MÃO		TUẤT	
Đê Phòng Tâm Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Tai thiên đường cục Duy nhập viên			Lâu Khuê Kim nhập viên Mộc lập viên
DÀN	SỬU	TÝ	HỢI
Vĩ Kỵ Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên	Ngưu Đẩu Mộc nhập viên Thổ tả thường viên Kim nhập viên	Nguy Hư Nữ Nhật nhập viên Thổ nhập viên Nguyệt nhập viên	Bích Thất Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Hỏa văn xương viên

TỶ	NGỌ	MÙI	THÂN
Dực chấn Hỏa nhập viên Thủy nhập viên Kim nhập viên	Liểu Tinh Trương Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Thủy hiển vinh cục	Tính Quỷ Kim nhập viên Hỏa nhập viên Mộc nhập viên	Tuy Sâm Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên
THÌN	<p>Phù tinh thần chi nhập viên cục. Như sĩ hoạn chi tại triều cường, thượng cách chi mạnh, tu đắc tinh chi qui viên vị, tắc mạnh chức hiển diệu, áp tam thai nhập bát tọa. Nãi hàn lâm chi mạnh, cách tuy cao. Nhi tinh bất nhập cục, tắc tay hữu lộc vị, chung vị, chung phẩm hạ phẩm chi quý.</p>	DẬU	
Giốc Cang Mộc nhập viên Kim nhập viên		Tất Mão Vị Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên La nhập viên	
MÃO		TUẤT	
Đê Phòng Tâm Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Tai thiên đường cục Duy nhập viên		Lâu Khuê Kim nhập viên Mộc lập viên	
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI
Vĩ Kỵ Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên	Ngưu Đẩu Mộc nhập viên Thổ tả thường viên Kim nhập viên	Nguy Hư Nữ Nhật nhập viên Thổ nhập viên Nguyệt nhập viên	Bích Thất Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Hỏa văn xương viên

BẢNG ĐỒ CỦA TINH THẦN QUÝ CÁCH

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Mặt trắng mặt trời triều Bắc huyết	Thủy tinh danh tiếng hiển vinh Mộc tinh âm triều Bắc huyết Nhật tinh đế cư dương Thủy tinh dương tương hội	Kim tinh ràng sao quĩ Bột tinh kim tinh cùng giúp Mộc tinh kim tinh cùng ở tần Thủy tinh nhập tần châu Thái ất âm thiềm từ kim tinh hổ nguyệt Mặt trắng treo ngọn liễu	Thủy tinh thổ tinh cùng hội
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG	TRIỆU	
Kim tinh mộc tinh gặp rồng Nước sáng kim tinh sáng Hổ la tương hội Kim tinh hiệu là thái thường dùng đầy đủ Thổ qui tinh cục Mộc tinh ràng đường sao giốc		Nguyệt đáo kim ngưu vị Kim tinh trợ minh nguyệt	
TỔNG		LỖ	
Thái dương tinh gặp quĩ Hỏa tinh yển thiên ngung Hỏa tinh viêm; thiên thịnh dùng đầy đủ		Thổ tinh nhật tinh hợp chiếu Nhật tinh gặp bạch dương Hỏa tinh cư Lâu tú	
YÊN	NGÔ	TÊ	VỆ
Mộc kế cùng dần Tỵ văn mộc tinh	Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Sao chổi triều sao bắc đầu Thổ tinh huỳnh tinh cùng hội đầy đủ Thổ tinh gọi là thái thường	Thủy tinh thổ tinh triều bắc Thủy tinh thanh thất bình Thổ tinh muốn tề giải Thổ tinh nên có nước	Kim tinh mộc tinh thừa xuyên Kim tinh lâu tinh sum vầy Hỏa tinh bột tinh kinh thiên Thái ất triều tinh Nhật nguyệt triều thiên Mộc kế gặp sao quĩ

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Thủy bột hương phùng Thổ mai song nữ	Kim cư nhật phận Hỏa ngộ kim la Kế trạng sư vị Kim hỏa đồng chu Bột kỵ sư tử	Hỏa lâm dương vị	Mộc
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí Mộc xúc Kim long Khước hiểm kiến hòa			Hỏa thiêu ngưư giốc Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí
TỔNG			LỖ
Kim thừa hỏa vị Hựu phạt phùng thủy			Kim kỵ bạch dương Thủy thừa hỏa vị Hựu phạt phùng kim
YÊN	NGÔ	TỀ	VỆ
Kim hiểm nhân mã Kim sầu kiến hỏa Sách ưu thủy nhập	Tuyền khô Ngưư hác	Mộc đả Bảo bình Mộc phạt phùng kim	Mộc đỉnh Hỏa tinh

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Thủy bột tương phùng Thổ mai song nữ	Kim cư nhật phận Hỏa ngộ kim la Kế trạng sư vị Kim hỏa đồng chu Bột kỵ sư tử	Hỏa lâm dương vị	Mộc
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí Mộc xúc Kim long Khước hiểm kiến hòa			Hỏa thiêu ngưu giốc Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí
TỔNG			LỖ
Kim thừa hỏa vị Hựu phạt phùng thủy			Kim kỵ bạch dương Thủy thừa hỏa vị Hựu phạt phùng kim
YÊN	NGÔ	TÈ	VỆ
Kim hiểm nhân mã Kim sầu kiến hỏa Sách ưu thủy nhập	Tuyền khô Ngưu hác	Mộc đả Bảo bình Mộc phạt phùng kim	Mộc đĩnh Hỏa tinh

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Thủy tinh bột tinh cùng gặp hỗ tinh ma song nữ	Kim tinh cư nhật phận Hỏa tinh gặp kim la Kế tinh trương sư vị Kim tinh hỏa tinh cùng hợp chu Bột tinh cưới sư tử	Hỏa tinh tới Dương vị	Mộc
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Hỏa tinh nhập kim hương Càng nên phòng nước đến Mộc tinh chạm Kim long Những lo thấy lửa			Hỏa nhập kim hương HỎA TINH đốt sao Ngưu sao giốc Càng nên phòng nước đến
TỔNG			LỖ
Kim tinh thừa hỏa vị Lại sợ rằng gặp nước			Kim tinh kỵ Bạch dương Thủy tinh thừa hỏa vị Lại sợ gặp kim tinh
YÊN	NGÔ	TÈ	VỆ
Kim tinh ghét nhân mã Kim tinh sầu thấy lửa Đời lo nước nó vào	Suối ngô ngưu hác	Mộc tinh đả Bảo bình Mộc tinh sợ gặp Kim tinh	Mộc kế gặp Hỏa tinh

SỞ	CHU	TÁN	TÀN
Thủy tinh bột tinh cùng gặp hổ tinh ma song nữ	Kim tinh cư nhật phận Hỏa tinh gặp kim la Kế tinh trương sư vị Kim tinh hỏa tinh cùng hợp chu Bột tinh cưới sư tử	Hỏa tinh tới Dương vị	Mộc
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG	TRIỆU	
Hỏa tinh nhập kim hương Càng nên phòng nước đến Mộc tinh chạm Kim long Những lo thấy lửa		Hỏa tinh nhập kim hương HỎA TINH đốt sao Ngưu sao giốc Càng nên phòng nước đến	
TỔNG		LỖ	
Kim tinh thừa hỏa vị Lại sợ rằng gặp nước		Kim tinh kỵ Bạch dương Thủy tinh thừa hỏa vị Lại sợ gặp kim tinh	
YÊN	NGÔ	TÊ	VỆ
Kim tinh ghét nhân mã Kim tinh sầu thấy lửa Đời lo nước nó vào	Suối ngô ngưu hác	Mộc tinh đả Bảo bình Mộc tinh sợ gặp Kim tinh	Mộc kế gặp Hỏa tinh

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Thủy tinh bột tinh cùng gặp hỗ tinh ma song nữ	Kim tinh cư nhật phận Hỏa tinh gặp kim la Kế tinh trương sư vị Kim tinh hỏa tinh cùng hợp chu Bột tinh cưới sư tử	Hỏa tinh tới Dương vị	Mộc
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Hỏa tinh nhập kim hương Càng nên phòng nước đến Mộc tinh chạm Kim long Những lo thấy lửa			Hỏa nhập Kim hương HỎA TINH đốt sao Ngưu sao giốc Càng nên phòng nước đến
TỔNG			LỖ
Kim tinh thừa hỏa vị Lại sợ rằng gặp nước			Kim tinh kỵ Bạch dương Thủy tinh thừa hỏa vị Lại sợ gặp kim tinh
YÊN	NGÔ	TÈ	VỆ
Kim tinh ghét nhân mã Kim tinh sầu thấy lửa Đời lo nước nó vào	Suối ngô ngưu hác	Mộc tinh đả Bảo bình Mộc tinh sợ gặp Kim tinh	Mộc kế gặp Hỏa tinh

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Thủy bột tương phùng Thổ mai song nữ	Kim cư nhật phận Hỏa ngộ kim la Kế trạng sư vị Kim hỏa đồng chu Bột kỵ sư tử	Hỏa lâm Dương vị	Mộc
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí Mộc xúc kim long Khước hiểm kiến hỏa			Hỏa thiêu ngưư giốc Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí
TỔNG			LỖ
Kim thừa hỏa vị Hựu pha phùng thủy			Kim kỵ Bạch dương Thủy thừa hỏa vị Hựu pha phùng kim
YÊN	NGÔ	TỀ	VỆ
Kim hiểm nhân mã Kim sầu kiện hỏa Sách ưu thủy nhập	Tuyền khô ngưư hác	Mộc đả Bảo bình Mộc Phạ phùng kim	Mộc kế Hỏa tinh

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Nhật nguyệt triều Bắc hộ	Thủy danh hiển vinh Mộc âm triều bắc Nhật đế cư dương Thủy dương tương hội	Kim triều quý tú Bột kim tương trợ Mộc bột đồng tần Thủy nhập tần châu Thái ất bảo thiềm Kim tinh hồ nguyệt Nguyệt quái liên tiêu	Thủy thổ tương hội
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Kim mộc phùng long Thủy minh kim minh Thổ la tương hội kim hiệu thái thường mãn dụng thổ qui trịnh quốc Mộc triều gốc đạo			Nguyệt đảo kim ngưu Kim tinh trợ nguyệt
TỔNG			LỖ
Thái dương phùng quĩ Hải yến thiên oa Hỏa viêm thìn thị mãn dụng			Thổ nhật hợp chiếu Nhật ngọ bạch dương Hỏa cư lâu tú
YÊN	NGÔ	TÊ	VỆ
Mộc kế đồng dân Tỵ văn mộc tinh	Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Bột tinh triều đầu thổ huỳnh tương hội mãn dụng thổ hiệu thái thường	Thủy thổ triều Bắc Thủy thanh thất bình thổ hiệu tề giải Thổ nghi hữu thủy	Kim mộc thừa xuyên Kim lâu viên phạt Hỏa bột kinh thiên Thái ất triều thiên Nhật nguyệt triều Mộc kế phùng quý

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Nhật nguyệt triều Bắc hộ	Thủy danh hiển vinh Mộc âm triều bắc Nhật đế cư dương Thủy dương tương hội	Kim triều quý tú Bột kim tương trợ Mộc bột đồng tần Thủy nhập tần châu Thái ất bảo thiềm Kim tinh hồ nguyệt Nguyệt quái liên tiêu	Thủy thổ tương hội
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Kim mộc phùng long Thủy minh kim minh Thổ la tương hội kim hiệu thái thường mãn dụng thổ qui trịnh quốc Mộc triều gốc đạo			Nguyệt đảo kim ngưu Kim tinh trợ nguyệt
TỔNG			LỖ
Thái dương phùng quĩ Hải yến thiên oa Hỏa viêm thìn thị mãn dụng			Thổ nhật hợp chiếu Nhật ngọ bạch dương Hỏa cư lâu tú
YÊN	NGÔ	TÈ	VỆ
Mộc kế đồng dân Tỵ văn mộc tinh	Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Bột tinh triều đầu thổ huỳnh tương hội mãn dụng thổ hiệu thái thường	Thủy thổ triều Bắc Thủy thanh thất bình thổ hiệu tề giải Thổ nghi hữu thủy	Kim mộc thừa xuyên Kim lâu viên phạt Hỏa bột kinh thiên Thái ất triều thiên Nhật nguyệt triều Mộc kế phùng quý

SỞ	CHU	TẦN	TẦN
Mặt trăng mặt trời triều Bắc huyết	Thủy tinh danh tiếng hiển vinh Mộc tinh âm triều Bắc huyết Nhật tinh để cư dương Thủy tinh dương tương hội	Kim tinh ràng sao quỷ Bột tinh kim tinh cùng giúp Mộc tinh kim tinh cùng ở tần Thủy tinh nhập tần châu Thái ất âm thiềm từ kim tinh hổ nguyệt Mặt trăng treo ngọn liễu	Thủy tinh thổ tinh cùng hội
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Kim tinh mộc tinh gặp rồng Nước sáng kim tinh sáng KHỔ la tương hội Kim tinh hiệu là thái thường dùng đầy đủ Thổ qui tinh cục Mộc tinh ràng đường sao giốc			Nguyệt đảo kim ngưu vị Kim tinh trợ minh nguyệt
TỔNG			LỖ
Thái dương tinh gặp quỷ Hỏa tinh yển thiên ngung Hỏa tinh viên thiên thịnh dùng đầy đủ			Thổ tinh nhật tinh hợp chiếu Nhật tinh gặp bạch dương Hỏa tinh cư Lâu tú
YÊN	NGÔ	TÈ	VỆ
Mộc kế cùng dần Tỵ văn mộc tinh	Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Sao chổi triều sao bắc đầu Thổ tinh huỳnh tinh cùng hội đầy đủ Thổ tinh gọi là thái thường	Thủy tinh thổ tinh triều bắc Thủy tinh thanh thất bình Thổ tinh muốn tề giải Thổ tinh nên có nước	Kim tinh mộc tinh thừa xuyên Kim tinh lâu tinh sum vầy Hỏa tinh bột tinh kinh thiên Thái ất triều tinh Nhật nguyệt triều thiên Mộc kế gặp sao quỷ

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Mặt trắng mặt trời triều Bắc huyết	Thủy tinh danh tiếng hiển vinh Mộc tinh âm triều Bắc huyết Nhật tinh đế cư dương Thủy tinh dương tương hội	Kim tinh ràng sao quĩ Bột tinh kim tinh cùng giúp Mộc tinh bột tinh cùng ở tần Thủy tinh nhập tần châu Thái ất âm thiềm từ kim tinh hồ nguyệt Mặt trắng treo ngọn liều	Thủy tinh thổ tinh cùng hội
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Kim tinh mộc tinh gặp rồng Nước sáng kim tinh sáng KHỔ la tương hội Kim tinh hiệu là thái thường dùng đầy đủ Thổ qui trịnh quốc Mộc tinh ràng đường sao giốc			Nguyệt đảo kim ngưu vị Kim tinh trợ nguyệt minh
TỔNG			LỖ
Thái dương tinh gặp quĩ Hỏa tinh yển thiên ngung Hỏa tinh viên thiên thịnh dùng đầy đủ			Thổ tinh nhật tinh hợp chiếu Nhật tinh gặp bạch dương Hỏa tinh cư Lâu tú
YÊN	NGÔ	TÊ	VỆ
Mộc kế cùng dần Tỵ văn mộc tinh	Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Sao chổi triều sao bắc đầu Thổ tinh huỳnh tinh cùng hội đầy đủ Thổ tinh gọi là thái thường	Thủy tinh thổ tinh triều bắc Thủy tinh thanh thất bính Thổ tinh muốn tề giải Thổ tinh nên có nước	Kim tinh mộc tinh thừa xuyên Kim tinh lâu tinh sum vầy Hỏa tinh bột tinh kinh thiên Thái ất triều tinh Nhật nguyệt triều thiên Mộc kế gặp sao quĩ

SỞ	CHU	TẤN	TẦN
Nhật nguyệt triều Bắc hộ	Thủy danh hiển vinh Mộc âm triều bắc Nhật đế cư dương Thủy dương tương hội	Kim triều quý tú Bột kim tương trợ Mộc bột đồng tần Thủy nhập tần châu Thái ất bảo thiềm Kim tinh hồ nguyệt Nguyệt quái liên tiêu	Thủy thổ tương hội
TRỊNH	TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Kim mộc phùng long Thủy minh kim minh Thổ la tương hội kim hiệu thái thường mãn dụng thổ qui trịnh quốc Mộc triều gốc đạo			Nguyệt đảo kim ngưu Kim tinh trợ nguyệt
TỔNG			LỖ
Thái dương phùng quĩ Hải yến thiên oa Hỏa viêm thiên thị mãn dụng			Thổ nhật hợp chiếu Nhật ngọ bạch dương Hỏa cư lâu tú
YÊN	NGÔ	TÈ	VỆ
Mộc kế đồng dân Tỵ văn mộc tinh	Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Bột tinh triều đầu thổ huỳnh tương hội mãn dụng thổ hiệu thái thường	Thủy thổ triều Bắc Thủy thanh thất bình thổ hiệu tề giải Thổ nghi hữu thủy	Kim mộc thừa xuyên Kim lâu viên phạt Hỏa bột kinh thiên Thái ất triều thiên Nhật nguyệt triều Mộc kế phùng quý